



NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CP CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí;
- Căn cứ kết quả kiểm phiếu biểu quyết của Ban kiểm phiếu ngày 03/06/2020 và Biên bản họp số 001/20/BBH-ĐHĐCĐ ngày 03/06/2020, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 nhất trí thông qua những nội dung đã trình tại Đại hội, cụ thể như sau:

- 1.1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019;
- 1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, với các chỉ tiêu tài chính cơ bản: Tổng doanh thu là: 389.000 triệu đồng, và Tổng chi phí là: 440.071 triệu đồng; Giao cho HĐQT tổ chức chỉ đạo chỉnh sửa lại báo cáo kế hoạch 2020, và Ban điều hành công ty nghiên cứu, bổ sung báo cáo, triển khai các biện pháp tăng doanh thu và làm tiết giảm tối đa chi phí sản xuất kinh doanh trong bối cảnh tác động kép của dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm sâu, đưa công ty vượt qua khó khăn, hoàn thành các chỉ tiêu SXKD.
- 1.3. Báo cáo tài chính năm 2019 đã được công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán;
- 1.4. Báo cáo của HĐQT công tác quản lý giám sát công ty năm 2019 và kế hoạch năm 2020;
- 1.5. Báo cáo của Ban Kiểm soát về công tác giám sát công ty năm 2019 và kế hoạch năm 2020;
- 1.6. Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019;
- 1.7. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020; Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Đơn vị kiểm toán trong danh sách Ban kiểm soát đề xuất để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính giữa năm và cả năm 2020 của công ty;



- 1.8. Tờ trình thù lao và chi phí hoạt động Thành viên HĐQT và Thành viên BKS năm 2019 và kế hoạch năm 2020; Giao cho Hội đồng quản trị chỉnh sửa bổ sung Tờ trình nêu trên về thù lao của Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm là 05 triệu đồng/tháng;
- 1.9. Tờ trình về việc Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty;
- 1.10. Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2019; Hội đồng quản trị sẽ căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế cuối năm 2020 của công ty để đề xuất Đại hội đồng cổ đông xem xét việc phân phối lợi nhuận năm 2020 tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tiếp theo;
- 1.11. Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Lê Hưng;
- 1.12. Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với ông Vũ Mạnh Trường;
- 1.13. Đồng ý về việc bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT sau khi Tổng công ty PTSC giới thiệu nhân sự;
- 1.14. Đồng ý về việc bầu bổ sung 01 thành viên BKS sau khi Tổng công ty PTSC giới thiệu nhân sự.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 nhất trí thông qua toàn văn tại Đại hội và có hiệu lực từ ngày 03/06/2020.
- Các Cổ đông, Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Quang Hiếu

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Gửi các nơi liên quan (copy);
- Lưu VP.HĐQT.



BIÊN BẢN

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CP CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ
Giấy phép ĐKKD số 3500806844 do Sở KH-ĐT Tỉnh BR-VT cấp

- **Thời gian:** Khai mạc lúc 08 giờ 30 phút, ngày 03/06/2020.
- **Địa điểm:** Hội trường lầu 6, Tòa nhà Văn phòng PV Shipyard, số 65A2 đường 30/4, Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu.

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI:

Có mặt tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (Đại hội) gồm có các Cổ đông và đại diện được ủy quyền, đại diện Tổng công ty PTSC, Tổng công ty LILAMA, Tổng công ty SBIC, Ngân hàng BIDV, Liên doanh VSP, Công ty LILAMA18, đại diện đơn vị kiểm toán Deloitte, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và cán bộ chủ chốt của công ty.

II. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI:

1. Kiểm tra tư cách cổ đông dự họp:

Ông Nguyễn Văn Dân – Trưởng bộ phận kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả tại thời điểm khai mạc Đại hội, cụ thể như sau:

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông và Đại diện cổ đông đủ tư cách theo quy định tham dự Đại hội là: 31.423.663 cổ phần, tương đương 52,82%/tổng số vốn điều lệ của công ty.

Căn cứ theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí, Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 là hợp lệ và đủ điều kiện để tiến hành.

2. Đoàn chủ tịch Đại hội:

Đại hội đã biểu quyết nhất trí 100% thông qua thành phần Đoàn chủ tịch (ĐCT) điều hành Đại hội như sau:

- Ông Nguyễn Quang Hiếu – Chủ tịch HĐQT/Giám đốc : Chủ tọa
- Bà Lê Thị Mỹ Lâm – Trưởng Ban kiểm soát : Thành viên ĐCT

3. Ban thư ký Đại hội:

Chủ tọa giới thiệu thành phần Ban thư ký phục vụ Đại hội như sau:

- Ông Phạm Trường Giang – Trợ lý Chủ tịch HĐQT/GĐ : Trưởng Ban
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Chi – Chuyên viên Phòng TCKT : Thành viên

4. Chương trình Đại hội:

Chủ tọa giới thiệu nội dung chương trình và Đại hội đã biểu quyết nhất trí 100% thông qua.

5. Quy chế làm việc tại Đại hội:



Sau khi Ban tổ chức đọc Quy chế làm việc và cách thức biểu quyết, Đại hội đã biểu quyết nhất trí 100% thông qua.

6. Ban kiểm phiếu Đại hội:

Chủ tọa giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu và Đại hội đã biểu quyết nhất trí 100% như sau:

- Ông Ngô Đức Toàn – Tổ trưởng Tổ nhân sự P.HCNS : Trưởng Ban
- Bà Trần Thị Sao – Phòng HCNS : Thành viên
- Bà Đặng Thị Lan Phương – Phòng HCNS : Thành viên
- Ông Nguyễn Hồng Quân - Phòng HCNS : Thành viên

7. Đại hội đã thảo luận và biểu quyết các nội dung như tài liệu trình tại Đại hội, cụ thể như sau:

7.1. Báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2019:

Ông Nguyễn Quang Hiếu – Giám đốc công ty trình bày trước Đại hội nội dung Báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2019 của công ty.

Theo kết quả kiểm phiếu biểu quyết của Ban kiểm phiếu: Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ đồng ý là 92,362%; Căn cứ theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, nội dung này đã đủ tỷ lệ % để thông qua.

7.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

Ông Nguyễn Quang Hiếu – Giám đốc công ty trình bày trước Đại hội nội dung kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của công ty.

Theo kết quả kiểm phiếu biểu quyết của Ban kiểm phiếu: Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ đồng ý là 65,636%; Căn cứ theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, nội dung này đã đủ tỷ lệ % để thông qua.

Đại hội thống nhất với các chỉ tiêu tài chính cơ bản: Tổng doanh thu là: 389.000 triệu đồng, và Tổng chi phí là: 440.071 triệu đồng; Giao cho HĐQT tổ chức chỉ đạo chỉnh sửa lại báo cáo kế hoạch 2020, và Ban điều hành công ty nghiên cứu, bổ sung báo cáo, triển khai các biện pháp tăng doanh thu và làm tiết giảm tối đa chi phí sản xuất kinh doanh trong bối cảnh tác động kép của dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm sâu, đưa công ty vượt qua khó khăn, hoàn thành các chỉ tiêu SXKD.

7.3. Tờ trình của HĐQT về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019, và Báo cáo tài chính năm 2019 đã được công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán:

Theo kết quả kiểm phiếu biểu quyết của Ban kiểm phiếu: Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ đồng ý là 100%; Căn cứ theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, nội dung này đã đủ tỷ lệ % để thông qua.

7.4. Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản lý giám sát công ty năm 2019 và kế hoạch năm 2020:

Chủ tịch HĐQT trình bày trước Đại hội nội dung Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản lý giám sát công ty năm 2019 và kế hoạch năm 2020.

Theo kết quả kiểm phiếu biểu quyết của Ban kiểm phiếu, Đại hội đã biểu quyết với nội dung:

+ **Công tác quản lý giám sát công ty năm 2019:** với tỷ lệ đồng ý là 85,746%; Căn cứ theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, nội dung này đã đủ tỷ lệ % để thông qua.

+ **Kế hoạch năm 2020:** với tỷ lệ đồng ý là 72,274%; Căn cứ theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, nội dung này đã đủ tỷ lệ % để thông qua.

7.5. Báo cáo của Ban Kiểm soát về công tác giám sát công ty năm 2019 và kế hoạch năm 2020:

Bà Lê Thị Mỹ Lâm – Trưởng Ban Kiểm soát công ty trình bày trước Đại hội nội dung Báo cáo của BKS về công tác giám sát công ty năm 2019 và kế hoạch năm 2020.

Theo kết quả kiểm phiếu biểu quyết của Ban kiểm phiếu: Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ đồng ý là 100%; Căn cứ theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, nội dung này đã đủ tỷ lệ % để thông qua.

7.6. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020:

Theo kết quả kiểm phiếu biểu quyết của Ban kiểm phiếu: Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ đồng ý là 100%; Căn cứ theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, nội dung này đã đủ tỷ lệ % để thông qua.

Đại hội thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Đơn vị kiểm toán trong danh sách Ban kiểm soát đề xuất tại Tờ trình nêu trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính giữa năm và cả năm 2020 của công ty.

7.7. Tờ trình thù lao và chi phí hoạt động Thành viên HĐQT và Thành viên BKS năm 2019 và kế hoạch năm 2020:

Chủ tịch HĐQT trình bày trước Đại hội nội dung thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2019 và kế hoạch thù lao năm 2020.

Theo kết quả kiểm phiếu biểu quyết của Ban kiểm phiếu: Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ đồng ý là 85,746%; Căn cứ theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, nội dung này đủ tỷ lệ % để thông qua.

Đại hội thống nhất giao cho Hội đồng quản trị chỉnh sửa bổ sung Tờ trình nêu trên về thù lao của Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm là 05 triệu đồng/tháng.

7.8. Tờ trình về việc Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty:

Theo kết quả kiểm phiếu biểu quyết của Ban kiểm phiếu: Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ đồng ý là 100%; Căn cứ theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, nội dung này đã đủ tỷ lệ % được thông qua.

7.9. Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của công ty:

Chủ tịch HĐQT trình bày trước Đại hội nội dung phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của công ty.

Theo kết quả kiểm phiếu biểu quyết của Ban kiểm phiếu: Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ đồng ý là 78,108%; Căn cứ theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, nội dung này đã đủ tỷ lệ % để thông qua.

7.10. Tờ trình về việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị:

HĐQT trình Đại hội xem xét việc miễn nhiệm Ông Lê Hưng, chức vụ: Thành viên HĐQT.

Theo kết quả kiểm phiếu biểu quyết của Ban kiểm phiếu: Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ đồng ý là 100%; Căn cứ theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, nội dung này đã đủ tỷ lệ % để thông qua.

7.11. Tờ trình về việc miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát:

BKS trình Đại hội xem xét việc miễn nhiệm Ông Vũ Mạnh Trường, chức vụ: Thành viên BKS.

Theo kết quả kiểm phiếu biểu quyết của Ban kiểm phiếu: Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ đồng ý là 85,746%; Căn cứ theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, nội dung này đã đủ tỷ lệ % để thông qua.

7.12. Tờ trình về việc bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị:

HĐQT trình Đại hội xem xét việc đồng ý bầu bổ sung thành viên HĐQT sau khi PTSC giới thiệu nhân sự.

Theo kết quả kiểm phiếu biểu quyết của Ban kiểm phiếu: Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ đồng ý là 85,746%; Căn cứ theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, nội dung này đã đủ tỷ lệ % để thông qua.

7.13. Tờ trình về việc bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát:

BKS trình Đại hội xem xét việc đồng ý bầu bổ sung thành viên BKS sau khi PTSC giới thiệu nhân sự.

Theo kết quả kiểm phiếu biểu quyết của Ban kiểm phiếu: Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ đồng ý là 85,746%; Căn cứ theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, nội dung này đã đủ tỷ lệ % để thông qua.

8. Kết thúc Đại hội:

Ban thư ký đọc nội dung Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Đại hội đã biểu quyết nhất trí 100% thông qua.

Chủ tọa tuyên bố bế mạc Đại hội, và Đại hội kết thúc vào lúc 11 giờ 10 phút cùng ngày./.

TM. BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Phạm Trường Giang



TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH

Nguyễn Quang Hiếu

Nơi nhận:

1. Các cổ đông (công bố trên website cty);
2. HĐQT, BKS, BGD (e-copy)
3. Gửi các nơi liên quan (copy);
4. Lưu VP.HĐQT.



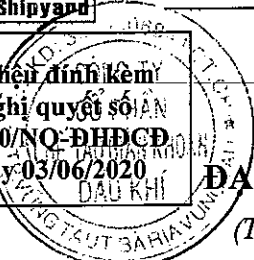
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Trụ sở: Số 65A2, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu

ĐT: (0254) 3545555/3545678 - Fax: (0254) 3512121

Website: <http://www.pvshipyard.com.vn>

Tài liệu đính kèm
Nghị quyết số AN
002/20/NQ-ĐHĐCĐ
ngày 03/06/2020



CHƯƠNG TRÌNH HỌP

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

(Tổ chức ngày 03/06/2020 tại Trụ sở công ty PVShipyard)

Số tt.	Nội dung chi tiết	Thời gian
I	Đón khách và làm các thủ tục phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông	08h00h
II	Đại hội khai mạc và tiến hành họp với nội dung như sau: - Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự. - Xem xét thông qua các vấn đề gồm: 1. Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông. 2. Đoàn chủ tịch, ban kiểm phiếu. 3. Nội dung chương trình nghị sự; Thê lệ biểu quyết. 4. Báo cáo SXKD năm 2019, kế hoạch SXKD năm 2020; 5. BCTC kiểm toán năm 2019; 6. Báo cáo của HĐQT công tác quản lý giám sát công ty năm 2019 và kế hoạch năm 2020; 7. Báo cáo của BKS công tác giám sát công ty năm 2019 và kế hoạch năm 2020; 8. Tờ trình thông qua BCTC kiểm toán năm 2019; 9. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020; 10. Tờ trình thù lao HĐQT & BKS năm 2019 và kế hoạch thù lao năm 2020; 11. Tờ trình v/v Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty; 12. Tờ trình v/v phân phối lợi nhuận; 13. Tờ trình v/v miễn nhiệm TV.HĐQT; 14. Tờ trình v/v miễn nhiệm TV.BKS; 15. Tờ trình v/v bầu bổ sung TV.HĐQT; 16. Tờ trình v/v bầu bổ sung TV.BKS. - Thông qua Nghị quyết Đại hội.	Từ 08h30
III	Bế mạc Đại hội	11h30

Tp. Vũng Tàu, Ngày 03 tháng 06 năm 2020

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI



Vũng Tàu, ngày 19 tháng 5 năm 2020

Số: 004/20/CTGK-KTSX

Tài liệu đính kèm
Nghị quyết số
002/20/NQ-ĐHĐCĐ
ngày 03/06/2020

BÁO CÁO

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020 CỦA CÔNG TY

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2019, Ban Điều hành công ty kính báo cáo kết quả thực hiện năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, gồm những nội dung như sau:

PHẦN I

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

1. Đánh giá chung hoạt động SXKD năm 2019

Với quyết tâm và bước đi phù hợp, năm 2019 đã ghi nhận sự thay đổi nhiều mặt của công ty. Đời sống vật chất tinh thần của người lao động tiếp tục được quan tâm, chăm lo. Nhà xưởng, bến bãi chế tạo tiếp tục được duy tu, nâng cấp để đáp ứng thi công các dự án, cung cấp dịch vụ cho các đối tác, khách hàng. Công tác tiết kiệm chống lãng phí tiếp tục được duy trì thực hiện, nhờ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty.

Trong năm 2019, công ty đã thi công hoàn thành và bàn giao 07 dự án gồm: Dự án đóng mới 03 sà lan Cá hồi (hợp đồng lần 3, bàn giao trong tháng 2/2019); Dự án sửa chữa lớn định kỳ 5 năm cho Giàn khoan Murmanskya (bàn giao trong tháng 8/2019); Dự án chế tạo Flare boom - Sao Vàng – Đại Nguyệt (bàn giao trong tháng 9/2019); Dự án thi công hệ thống nước làm mát nhà máy Nhiệt điện Long Phú (bàn giao trong tháng 9/2019); Dự án chế tạo Below Cellar Deck, Access Platform & Crane Boom Rest thuộc dự án Sao Vàng – Đại Nguyệt (bàn giao trong tháng 10/2019); Dự án sửa chữa giàn khoan H5 (thực hiện sửa chữa và bàn giao trong tháng 10/2019); Dự án chế tạo Pontoon and Gangway - Wulugul Walk (Royal Haskoning DHV - bàn giao trong tháng 11/2019). Các dự án, gói thầu do Công ty thực hiện đều được bàn giao đúng tiến độ và chất lượng, được các chủ đầu tư, tổng thầu đánh giá cao.

Lĩnh vực dịch vụ được mở rộng, cung cấp bến bãi chế tạo cho nhiều đơn vị, mang lại doanh thu ổn định, hiệu quả. Công tác phát triển kinh doanh, tìm kiếm khách hàng cũng đạt được kết quả trong năm 2019, công ty đã ký kết được 06 hợp đồng thi công chế tạo mới với tổng giá trị hợp đồng trên 200 tỷ đồng (chưa tính các hợp đồng cung cấp dịch vụ).

2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

ĐVT: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019 (ĐHĐCĐ thông qua ngày 17/4/2019)	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ thực hiện 2019 so với KH 2019	Tỷ lệ thực hiện 2019 so với 2018
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)=6/5	(9)=6/4
I.	Tổng doanh thu	Triệu đ	382.531	400.000	357.800	89,45%	93,53%
II.	Tổng chi phí	nt	448.029	448.541	408.687	91,11%	91,22%
III.	Lợi nhuận	nt	(65.498)	-	(50.887)	104,83%	77,69%
IV.	Các chỉ tiêu khác	nt					
1	Thuế và các khoản nộp NS	nt	-	-	-	-	-
2	Vốn chủ sở hữu	nt	(143.869)	(190.182)	(192.579)	101,26%	133,86%
3	Vốn điều lệ	nt	594.898	594.898	594.898	100,00%	100,00%
4	Bình quân CBCNV (người)	người	484	300	482	160,67%	99,59%
5	Thu nhập bình quân/người/tháng	Triệu đ	9,80	10,00	10,70	107,00%	109,18%

(Chi tiết như Phụ lục 1, 2 đính kèm báo cáo)

- Tổng doanh thu năm 2019 đạt 357,8 tỷ đồng, hoàn thành 89,45% mục tiêu kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua. Nguyên nhân doanh thu không đạt kế hoạch là do dự án nhiệt điện Thái Bình 2 đang thi công dở dang (Chủ đầu tư chưa cấp đủ vật tư), nên chưa ghi nhận doanh thu trong năm 2019 (khoảng 50 tỷ đồng).

- Hiệu quả hoạt động của công ty đang từng bước được cải thiện, lỗ sau thuế năm 2019 là -50,887 tỷ đồng, lỗ giảm 14,611 tỷ đồng tương ứng lỗ giảm 22,3% so với thực hiện năm 2018 (-65,498 tỷ đồng). Hoạt động SXKD bắt đầu có lợi nhuận gộp là 2,393 tỷ đồng, và tiếp tục trả được 02 tỷ đồng tiền nợ gốc của khoản vay ủy thác do PvCombank quản lý, giảm khoản nợ vay này xuống còn 613 tỷ đồng. Tình hình tài chính của Công ty đã bớt khó khăn hơn so với các năm trước.

- Chi phí lãi vay của khoản nợ vay nêu trên khoảng hơn 51 tỷ đồng là nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng lợi nhuận năm 2019, và cao hơn 3,37% so với thực hiện năm 2018 do phát sinh thêm chi phí lãi vay quá hạn gần 02 tỷ đồng.

3. Tình hình công tác sản xuất kinh doanh, dịch vụ

Ngoài 07 dự án đã thi công xong trong năm và bàn giao như đã trình bày ở trên, công ty đang tiếp tục triển khai thi công một số dự án khác gồm:

- *Dự án chế tạo Link Bridges cho Gallaf*: Dự án chế tạo Link Bridges - Gallaf đã được triển khai thi công từ ngày 15/8/2019 với tổng khối lượng thi công khoảng 2.200 tấn (gồm 3 cầu dẫn). Thời gian thực hiện dự án kéo dài trong vòng 9 tháng, dự kiến bàn giao trong tháng 5/2020. Tiến độ thi công được đảm bảo, công tác an toàn, chất lượng, đáp ứng được yêu cầu cao của tổng thầu PTSC M&C. Tính đến nay, dự án đã thực hiện được 80% tiến độ tổng thể.

- *Thi công một số gói thầu - Dự án hóa dầu Long Sơn cùng với đối tác: chế tạo Module & Pipe rack, khối lượng thi công khoảng 5.500 tấn, dự kiến bàn giao trong tháng 10/2020. Trong tháng 12/2019, công ty đã triển khai công tác tiếp nhận vật tư các gói thầu và yêu cầu Tổng thầu đẩy nhanh tiến độ phát hành bản vẽ để thi công. Các gói thầu đang được triển khai thi công lắp đặt kết cấu Module Piperack và triển khai gia công pipe support.*

Ngoài thi công các dự án trên, trong năm 2019, Công ty còn tiếp tục thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ cho giàn PVD5, sà lan TOS Hạ Long. Cho thuê bến bãi, nhân lực, thiết bị... và thực hiện một số dịch vụ sửa chữa nhỏ lẻ cho các khách hàng khác.

4. Tình hình công tác duy tu bảo dưỡng, nâng cấp cơ sở vật chất

Trong năm 2019, công ty đã hoàn thành nạo vét khu vực ụ chìm; cải tạo đưa vào sử dụng thêm 3ha bãi chế tạo; hoàn thành di dời nhà Shelter Hull; liên kết với đơn vị bạn xây dựng thêm gần 20.000 m² nhà xưởng; kết hợp với đối tác đưa vào sử dụng thêm 02 xe romooc và cầu 250 tấn vào khai thác dịch vụ; đầu tư thêm máy hàn, máy cắt CNC, máy đột CNC, máy cắt tôn tấm CNC, máy khoan CNC, máy cưa... Trồng thêm hơn 100 cây xanh các loại, tạo cảnh quan môi trường làm việc xanh sạch đẹp toàn công ty. Kết hợp với đối tác lắp đặt hệ thống điện mặt trời với công suất 20kw để cấp điện chiếu sáng và một số thiết bị văn phòng. Thay thế dần hệ thống điện chiếu sáng tòa nhà văn phòng và các xưởng sản xuất bằng đèn led để tiết kiệm điện. Song song với đó công ty cũng đã tiến hành nâng cấp một số tuyến đường nội bộ để đảm bảo lưu thông, ngăn ngừa ô nhiễm bụi trong khu vực bãi chế tạo.

5. Các công tác khác

5.1. Thương mại và thị trường

Trong năm 2019, Công ty đã chào thầu tổng cộng 84 gói thầu, trong đó đã ký kết được 06 hợp đồng gồm: Dự án thi công kết cấu Flare Boom - Sao Vàng Đại Nguyệt; Dự án chế tạo Below Cellar Deck, Access Plaform & Crane Boom Rest - Sao Vàng Đại Nguyệt; Dự án thi công Pontoon and Gangway (Royal Haskoning DHV); Dự án chế tạo Link Bridges – Galaff; Dự án sửa chữa giàn H5 (JDC) và dự án thi công gói thầu –Hóa dầu Long Sơn. Tổng giá trị hợp đồng của 06 dự án trên 200 tỷ đồng.

Ngoài ra, Công ty tiếp tục bám sát các dự án: Lift boat của Levingston; Scrubber (Wartsila); Nam Du & U Minh jacket - Wulugul Walk (PTSC MC/Jadestone); Feed Barge (Steinsvik); Thailoil Module works (Saipem & Samsung E&C, Petrofac); gói Jacket cho Đại Nguyệt - IKC khoảng 7.000 tấn; gói WTG Jacket - Transition Pieces and Buckets (Lamprell); gói Sapura Jacket, Transition Piece, Pile and secondary steel (Sapura Energy); gói Pile Fabrication - Ben Tre (SME); gói Formosa II offshore windfarm (Saipem S.A), đồng thời tìm kiếm khách hàng để xúc tiến cho thuê diện tích văn phòng làm việc hiện chưa sử dụng để tăng thêm doanh thu cho Công ty.

5.2. Nhân sự và tiền lương

Tổng số lao động của công ty tính đến thời điểm 31/12/2019 là 482 người, trong đó công nhân lao động trực tiếp 317 người, lao động gián tiếp 165 người gồm cả kỹ sư trực

tiếp công trường. Thu nhập bình quân của CBCNV trong năm là 10,7 triệu đồng/người/tháng. Công ty thực hiện nghiêm túc chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật. 100% CBCNV ký hợp đồng lao động chính thức được tham gia BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm sức khỏe và được hưởng các chế độ khác đúng theo qui định của Nhà nước.

So với kế hoạch nhân sự năm 2019, số nhân sự sử dụng thực tế trong năm cao hơn 182 người (số nhân sự kế hoạch 300 người; số nhân sự hiện hữu 482 người). Nguyên nhân tăng so với kế hoạch là do công ty phải tuyển dụng thêm lao động thời vụ để thực hiện các dự án sửa chữa Giàn khoan Murmanskya; dự án chế tạo Flare boom, chế tạo Below Cellar Deck, Access Platform & Crane Boom Rest thuộc dự án Sao Vàng – Đại Nguyệt; dự án Nhiệt điện Long Phú; dự án chế tạo Pontoon and Gangway và chuẩn bị nhân sự thi công các Gói thầu dự án hóa dầu Long Sơn.

Trong năm 2019, công ty đã tiến hành xử lý kỷ luật tổng cộng 65 lao động do vi phạm Nội quy lao động và vi phạm về công tác an toàn tại công trường. Tiến hành buộc thôi việc 07 lao động do vi phạm nhiều lần Nội quy lao động. Về công tác tổ chức, công ty đã tiến hành bổ nhiệm 10 Phó phòng/Xưởng phó các Phòng: Kỹ thuật – Sản xuất, Tài chính - Kế toán, Thương mại & Phát triển kinh doanh, Thiết kế và các Xưởng để kiện toàn nhân sự các bộ phận.

5.3. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Công ty chủ yếu thực hiện công tác tự đào tạo, với nhiều khóa đào tạo nội bộ về công tác an toàn, quy trình sản xuất, nhận diện và báo cáo mối nguy, kiểm soát kích thước, kiểm soát chất lượng hàn và một số khóa đào tạo khác. Để chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ đào tạo về ATVSLĐ sau khi được cấp thẩm quyền cấp giấy phép, công ty đã cử 05 cán bộ tham gia các khóa đào tạo theo quy định để được cấp chứng chỉ phục vụ hoạt động trên.

5.4. Hệ thống quản lý Sức khỏe - An toàn - Chất lượng - Môi trường

Công ty đã hoàn thành chuyển đổi hệ thống quản lý sức khỏe an toàn nghề nghiệp. Giấy chứng nhận đã được cấp trong tháng 10/2019. Duy trì, thực hiện tốt theo hệ thống tiêu chuẩn ISO 45001:2018, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 và các tiêu chuẩn khác.

Công ty thực hiện tốt công tác quản lý, kiểm soát chất lượng, an toàn, sức khỏe và môi trường tại các dự án thi công. Không để xảy ra tình trạng mất an toàn trong quá trình lao động, sản xuất, không để xảy ra sự cố, tai nạn lao động. Duy trì công tác kiểm tra hàng tuần về vệ sinh lao động (ATVSLĐ) của Ban Giám đốc Công ty, của khách hàng tại các dự án đang thi công và thực hiện tốt công tác vệ sinh lao động tại khu vực làm việc.

Tiếp tục duy trì công tác chăm lo sức khỏe CBCNV, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám sức khỏe phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp đối với người lao động làm trong môi trường có yếu tố độc hại. Tổ chức cấp phát đầy đủ đồ bảo hộ lao động, đảm bảo an toàn cho người lao động theo quy định.

Triển khai thực hiện các phương án kiểm soát phòng chống dịch bệnh Covid-19.

Rà soát, rút gọn các quy trình, và tiến hành dịch song ngữ các tài liệu này để phục vụ công việc.

5.5. Công tác nghiên cứu khoa học, cải tiến sáng kiến

Trong năm 2019 tổng cộng 7/7 đề tài của Dự án KHCN “Nghiên cứu thiết kế cơ sở, chi tiết, công nghệ chế tạo, tích hợp giàn khoan tự nâng 400ft phù hợp với điều kiện Việt Nam và nghiên cứu phát triển, hoán cải giàn khoan dầu khí di động phục vụ phát triển kinh tế biển, an ninh quốc phòng” đã được bảo vệ thành công và đã được Hội đồng nghiệm thu cấp Nhà nước đã ban hành quyết định thông qua (trong đó Công ty làm chủ nhiệm 05 đề tài, bảo vệ thành công vào ngày 28/3/2018; Viện Xây dựng Công trình Biển làm chủ nhiệm 01 đề tài, bảo vệ thành công trong ngày 15/5/2018; Viện Thiết kế tàu quân sự - Bộ Quốc phòng làm chủ nhiệm 01 đề tài, bảo vệ thành công vào ngày 11/10/2019).

5.6. Công tác tái cơ cấu doanh nghiệp

Đề giải quyết khoản vay ủy thác 613 tỷ đồng do PvCombank quản lý, thời gian trước đây công ty đã nhiều lần gửi báo cáo Tập đoàn PVN, Tổng Công ty PTSC và các Cổ đông sáng lập nhằm xử lý dứt điểm khoản vay theo 02 phương án là khoan nợ, giãn nợ, giảm lãi vay hoặc cho phép phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi khoản nợ vay thành vốn góp. Về phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ vay thành vốn góp đã được Tập đoàn và các Cổ đông thông qua trong năm 2016 và dự kiến giao cho công ty công nghiệp tàu thủy Dung Quất (DQS) quản lý phần vốn này. Tuy nhiên do vướng mắc một số thủ tục từ phía Văn phòng Chính phủ nên chưa triển khai được.

Những đề xuất kiến nghị nêu trên đến nay vẫn chưa được giải quyết. Do đó công ty tiếp tục đề xuất các Chủ sở hữu có ý kiến và hỗ trợ mạnh mẽ để có kết quả trong năm 2020, giúp công ty có cơ hội tiếp cận khách hàng, đối tác và tham gia đấu thầu các dự án để có thêm doanh thu lợi nhuận, từng bước giảm lỗ đến hòa vốn và có lãi.

5.7. An sinh xã hội, hoạt động của các tổ chức đoàn thể

Công tác an sinh xã hội trong năm chủ yếu tập trung vào việc kêu gọi toàn bộ CBCNV công ty tham gia quyên góp, ủng hộ. Theo đó, đã quyên góp để trao phần thưởng cho con em CBCNV đạt thành tích học sinh giỏi năm học 2018-2019 nhân ngày 1/6 khoảng 20 triệu đồng. Hỗ trợ một số người lao động có hoàn cảnh gia đình khó khăn khoảng 30 triệu đồng. Các đoàn thể tiếp tục tổ chức tốt các hoạt động chào mừng ngày 8/3; tổ chức hội thao trong tháng 9/2019. Đoàn Thanh niên công ty duy trì hoạt động làm sạch công trường, đồng thời trồng bổ sung thêm nhiều cây xanh xung quanh bãi chế tạo. Chi hội cựu chiến binh đã tổ chức các hoạt động thiết thực, thăm hỏi thân nhân gia đình thương binh liệt sỹ là CBCNV Công ty nhân ngày 27/7/2019.

PHẦN II

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Ban điều hành đánh giá năm 2020 sẽ là năm hết sức khó khăn đối với công ty do diễn biến hết sức phức tạp của đại dịch Covid-19 và tình hình giá dầu giảm mạnh làm ảnh hưởng lớn đến kinh tế trong và ngoài nước. Theo đó thị trường cơ khí chế tạo không còn khả quan, các dự án công việc ký kết vào cuối năm 2019 để chuẩn bị thực hiện trong năm 2020 có khả năng bị khách hàng/đối tác tạm dừng triển khai do dịch covid-19 và giá dầu giảm. Một số đơn vị hiện đang thuê mặt bằng bãi của công ty đã có thông báo sẽ giảm và trả lại diện tích thuê do các khó khăn chung. Dự báo kết quả hoạt động của công ty năm 2020 sẽ thấp hơn so với năm 2019. Khoản nợ vay 613 tỷ đồng chưa được xử lý khiến chi phí tài chính hằng năm vẫn duy trì ở mức cao (trên 52 tỷ đồng/năm) tiếp tục tác động xấu đến kết quả hoạt động SXKD của công ty.

Việc duy trì sản xuất kinh doanh, đảm bảo đời sống, công việc cho gần 500 CBCNV trong giai đoạn năm 2020 là nhiệm vụ hết sức nặng nề đối với Ban điều hành công ty.

1. Mục tiêu, nhiệm vụ

Với nhận định tình hình như trên, trong năm 2020 công ty đặt mục tiêu nỗ lực hết sức tìm kiếm và ký kết thêm các hợp đồng/dự án/dịch vụ mới. Khả năng có thể phải chấp nhận thi công các dự án có tỷ suất lợi nhuận thấp để tạo doanh thu và duy trì việc làm cho người lao động. Tiếp tục liên doanh, liên kết với các đối tác trang bị thêm máy móc, thiết bị tự động hóa để tăng năng suất lao động.

2. Các chỉ tiêu chính

Công ty dự kiến xây dựng kế hoạch SXKD năm 2020 với một số chỉ tiêu tài chính cơ bản như sau:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	(243,65)
2	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	594,898
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	389,00
4	Tổng chi phí	Tỷ đồng	440,07

(Chi tiết như Phụ lục 3, 4 đính kèm báo cáo)

3. Giải pháp thực hiện

- Đảm bảo thi công dự án Link Bridges – Galaff và các gói thầu – dự án hóa dầu Long Sơn đúng tiến độ, an toàn, chất lượng và bàn giao đúng thời hạn cho khách hàng, tổng thầu.

- Khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, đẩy mạnh lĩnh vực cung cấp dịch vụ bến bãi chế tạo, máy móc thiết bị, nhân lực, cho thuê văn phòng với các đối tác để tăng doanh thu cho công ty.

- Tích cực theo sát các dự án công việc từ Tổng Công ty PTSC và các đơn vị thành viên để chủ động tìm kiếm hợp đồng, thi công với tư cách nhà thầu phụ. Đồng thời tăng

cường liên hệ với các đối tác nước ngoài để tiến hành chào thầu các dự án mới khi có cơ hội.

- Tiếp tục nâng cao năng suất lao động. Duy trì thực hiện tốt kỷ luật lao động, tiết kiệm, chống lãng phí để nâng cao hiệu quả hoạt động. Duy trì, thực hiện tốt các yêu cầu theo hệ thống tiêu chuẩn ISO 45001:2018-ISO, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 và các tiêu chuẩn khác.

- Tiếp tục kiến nghị Tập đoàn có phương án xử lý khoản nợ vay 613 tỷ đồng; hoặc xem xét, tạo điều kiện cho công ty tham gia thi công nhiều hơn các dự án lớn của Ngành trong năm 2020 và các năm tiếp theo để công ty có điều kiện trả được toàn bộ nợ gốc và lãi vay của khoản vay này.

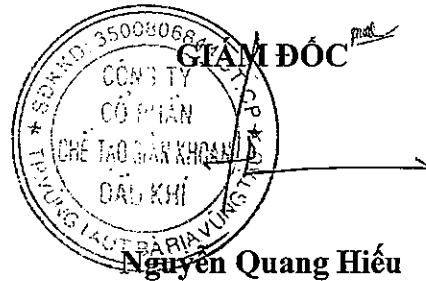
4. Các đề xuất kiến nghị

1. Kiến nghị các Cổ đông hỗ trợ công ty trong xử lý khoản nợ vay 613 tỷ đồng, giúp tháo gỡ khó khăn tài chính của công ty trong quá trình hoạt động.

2. Kiến nghị các Cổ đông hỗ trợ, tạo điều kiện tối đa để công ty được thực hiện các phần việc có thể tham gia nhằm phát huy tận dụng sử dụng hết khả năng máy móc thiết bị, cơ sở vật chất hiện có, duy trì việc làm cho người lao động.

Trên đây là báo cáo tình hình SXKD năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của công ty, kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua.

Trân trọng!



Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ Công ty (để b/c);
- TCty PTSC (để b/c);
- Ban GD (e-copy);
- Lưu VT, KTSX (e-copy).

Tài liệu đính kèm: Phụ lục 1, 2, 3, 4.

Tài liệu đính kèm
 Nghị quyết số
 002/20/NQ-ĐHĐCĐ
 ngày 03/06/2020

PHỤ LỤC 1

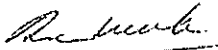
BẢNG TỔNG HỢP THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 004/20/CTGK-KTSX ngày 19/5/2020)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019 (ĐHĐCĐ thông qua ngày 17/4/2019)	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ thực hiện 2019 so với KH 2019	Tỷ lệ thực hiện 2019 so với 2018
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)=6/5	(9)=6/4
I.	Tổng doanh thu	Triệu đ	382.531	400.000	357.800	89,45%	93,53%
II.	Tổng chi phí	nt	448.029	448.541	408.687	91,11%	91,22%
III.	Lợi nhuận	nt					
1	Lợi nhuận trước thuế	nt	(65.498)		(50.887)		77,69%
2	Lợi nhuận sau thuế	nt	(65.498)		(50.887)		77,69%
IV.	Các chỉ tiêu khác	nt					
1	Thuế và các khoản nộp NS	nt	-	-	-	-	-
2	Vốn chủ sở hữu	nt	(143.869)	(190.182)	(192.579)	101,26%	133,86%
3	Vốn điều lệ	nt	594.898	594.898	594.898	100,00%	100,00%
4	Bình quân CBCNV (người)	người	484	300	482	160,67%	99,59%
5	Thu nhập bình quân/người/tháng	Triệu đ	9,80	10,00	10,70	107,00%	109,18%

Người lập

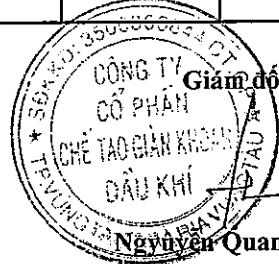
P.TCKT





Phạm Thường Minh

Mạc Thị Hồng Vượng



Giám đốc

Nguyễn Quang Hiều

Tài liệu đính kèm
 Nghị quyết số
 002/20/NQ-ĐHĐCĐ
 ngày 03/06/2020

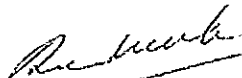
PHỤ LỤC 2
BẢNG CHI TIẾT THỰC HIỆN DOANH THU, CHI PHÍ NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 004/20/CTGK-KTSX ngày 19/5/2020)

ĐVT: triệu đồng

STT	Các khoản mục chính	Kế hoạch 2019 (ĐHĐCĐ thông qua ngày 17/4/2019)	Thực hiện năm 2019	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A	TỔNG DOANH THU	400.000	357.800	
I.	Thu hoạt động SXKD	399.000	344.713	
*	<i>Hợp đồng, Dự án chế tạo mới</i>			
II.	Thu hoạt động tài chính	1.000	3.232	
III.	Thu nhập khác	-	9.856	
B	TỔNG CHI PHÍ	448.541	408.687	
I.	CHI TRỰC TIẾP CHO SẢN XUẤT	302.350	268.920	
*	<i>Hợp đồng, Dự án chế tạo mới</i>		110.759	
*	<i>Hợp đồng, Dự án sửa chữa, hoán cải</i>		150.510	
*	<i>Cung cấp dịch vụ</i>		45.051	
II.	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	-	-	
III.	CHI PHÍ KHẤU HAO	35.795	35.661	
IV.	CHI PHÍ QUẢN LÝ CHUNG	60.050	50.958	
V.	CHI PHÍ TÀI CHÍNH	50.346	52.026	
1	Lãi vay ngắn hạn và dự trừ chênh lệch tỷ giá	-	901	
2	Lãi vay dài hạn	50.346	51.125	
3	Lãi quá hạn khoản vay UT	-	-	
VI.	CHI PHÍ KHÁC	-	1.122	
C	TỔNG LỢI NHUẬN	-	(50.887)	

Người lập



Phạm Thường Minh

KKD
CH
TUNG

Tài liệu đính kèm
Nghị quyết số
002/20/NQ-ĐHĐCĐ
ngày 03/06/2020

PHỤ LỤC 3

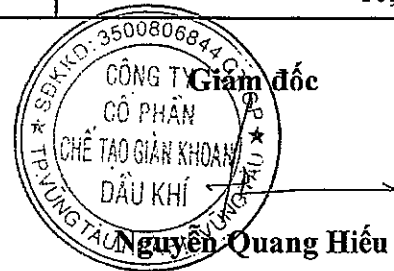
BẢNG TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 004/20/CTGK-KTSX ngày 19/5/2020)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020
I.	Tổng doanh thu	Triệu đ	389.000
II.	Tổng chi phí	Triệu đ	440.071
III.	Các chỉ tiêu khác		
1	Thuế và các khoản nộp NS	Triệu đ	-
2	Vốn chủ sở hữu	nt	(243.650)
3	Vốn điều lệ	nt	594.897
4	Bình quân CBCNV (người)	người	500
5	Thu nhập bình quân/người/tháng	Triệu đ	10,50

Người lập

Phạm Thường Minh



11.1 01.0 - 2.101

Tài liệu đính kèm
 Nghị quyết số
 002/20/NQ-ĐHĐCĐ
 ngày 03/06/2020

PHỤ LỤC 4

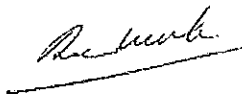
BẢNG CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH DOANH THU, CHI PHÍ NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 004/20/CTGK-KTSX ngày 19/5/2020)

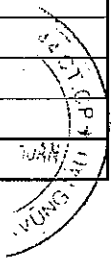
ĐVT: triệu đồng

STT	Các khoản mục chính	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH	389.000	
I.	Thu hoạt động SXKD	388.000	
*	<i>Các dự án chế tạo</i>	<i>267.300</i>	
1	Dự án Gallaf	33.000	
2	Các gói thầu - DA Hóa dầu Long Sơn	140.000	
3	Dự án khác	94.300	
*	<i>Các hợp đồng cung cấp dịch vụ</i>	<i>120.700</i>	
II.	Thu hoạt động tài chính	1.000	<i>tiền gửi ngắn hạn</i>
III.	Thu nhập khác	0	
B	TỔNG CHI PHÍ	440.071	
I.	CHI TRỰC TIẾP CHO SẢN XUẤT	306.349	
*	<i>Các dự án chế tạo</i>		
1	Dự án Gallaf	27.390	
2	Các gói thầu - DA Hóa dầu Long Sơn	116.200	
3	Dự án khác	78.269	
*	<i>Hợp đồng cung cấp dịch vụ</i>		
1	Các hợp đồng cung cấp dịch vụ	84.490	
II.	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	-	
III.	CHI PHÍ KHẤU HAO	35.700	
IV.	CHI PHÍ QUẢN LÝ CHUNG	44.240	
V.	CHI PHÍ TÀI CHÍNH	53.782	
1	Lãi vay ngắn hạn và dự trừ chênh lệch tỷ giá	-	
2	Lãi vay dài hạn	53.782	
3	Lãi quá hạn khoản vay ủy thác	-	
VI.	CHI PHÍ KHÁC	-	

Người lập



Phạm Thường Minh



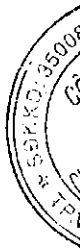


CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GAS KHOAN

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Hiếu	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Bảo	Thành viên
Ông Lê Hưng	Thành viên
Ông Vũ Minh Phú	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên
Ông Đồng Quang Triều	Thành viên
Bà Lê Hương Giang	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Mỹ Lâm	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Phương Anh	Thành viên
Ông Lục Dũng Minh	Thành viên
Bà Bùi Thanh Hương	Thành viên
Ông Vũ Mạnh Trường	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Hiếu	Giám đốc
Ông Nguyễn Nam Anh	Phó Giám đốc
Ông Đào Đỗ Khiêm	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Quang Hiếu
Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2020.

Số: 0427 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2020, từ trang 4 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cũng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cấp nhân mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thông tin được trình bày tại Thuyết minh số 2 bản Thuyết minh báo cáo tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã báo cáo số lỗ lũy kế là 790.024.180.334 đồng và cũng tại ngày này, tổng nợ phải trả ngắn hạn đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 467.528.293.404 đồng. Những yếu tố này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Các kế hoạch của Ban Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.



Lê Đình Tứ
Rhó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0488-2018-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 19 tháng 3 năm 2020
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1503-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		195.114.207.305	289.763.384.375
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	49.689.327.092	28.358.304.357
1. Tiền	111		17.465.114.447	14.958.304.357
2. Các khoản tương đương tiền	112		32.224.212.645	13.400.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.500.199.532	27.981.415.240
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	17.500.199.532	27.981.415.240
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		43.388.422.866	141.773.508.224
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	38.977.247.114	61.391.393.199
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.131.018.759	4.550.126.347
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	73.934.954.203
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.137.998.075	1.897.034.475
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		142.158.918	-
IV. Hàng tồn kho	140	8	82.650.584.374	84.668.625.527
1. Hàng tồn kho	141		83.873.140.024	85.828.239.369
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.222.555.650)	(1.159.613.842)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.885.673.441	6.981.531.027
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	564.415.437	685.264.947
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	4.885.360.041
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	1.321.258.004	1.410.906.039
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		549.433.730.245	572.464.306.475
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		50.000.000	50.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		50.000.000	50.000.000
II. Tài sản cố định	220		399.385.312.068	437.434.767.701
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	399.084.064.082	433.262.777.708
- Nguyên giá	222		1.264.071.808.083	1.271.680.675.008
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(864.987.744.001)	(838.417.897.300)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	301.247.986	4.171.989.993
- Nguyên giá	228		74.367.885.370	74.450.308.990
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(74.066.637.384)	(70.278.318.997)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		11.181.429.681	4.175.842.305
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		11.181.429.681	4.175.842.305
IV. Tài sản dài hạn khác	260		138.816.988.496	130.803.696.469
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	138.816.988.496	130.803.696.469
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		744.547.937.550	862.227.690.850

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

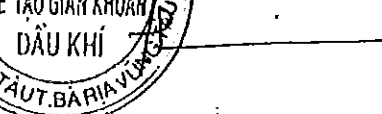
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		937.126.603.181	1.006.097.602.379
I. Nợ ngắn hạn	310		662.642.500.709	652.585.684.572
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	101.443.311.571	146.178.926.957
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	17.388.127.232	33.483.262.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	1.478.477.659	-
4. Phải trả người lao động	314		4.881.551.888	5.477.899.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	175.982.156.091	172.531.589.449
6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	5.351.161.360
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.545.454.545	-
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	20.603.460.127	21.413.194.124
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	339.000.000.000	263.000.000.000
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	19	-	4.751.290.086
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		319.961.596	398.361.596
II. Nợ dài hạn	330		274.484.102.472	353.511.917.807
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	274.104.449.097	352.104.449.097
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	379.653.375	1.407.468.710
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(192.578.665.631)	(143.869.911.529)
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	(192.528.588.871)	(141.641.577.057)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		594.897.870.000	594.897.870.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		594.897.870.000	594.897.870.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.597.721.463	2.597.721.463
3. Lỗi lũy kế	421		(790.024.180.334)	(739.137.168.520)
- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước	421a		(739.137.168.520)	(673.638.188.233)
- Lỗi năm nay	421b		(50.887.011.814)	(65.498.980.287)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	21	(50.076.760)	(2.228.334.472)
1. Nguồn kinh phí	431		(50.076.760)	(6.092.403.530)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	3.864.069.058
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		744.547.937.550	862.227.690.850


Mạc Thị Hồng Vương
Người lập


Đinh Hồng Nhung
Phụ trách kế toán


Nguyễn Quang Hiếu
Giám đốc
Ngày 19 tháng 3 năm 2020



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	24	344.713.538.171	363.495.122.311
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10		344.713.538.171	363.495.122.311
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	25	342.320.202.903	378.307.517.040
4. Lợi nhuận/(lỗ) gộp cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.393.335.268	(14.812.394.729)
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	3.231.511.892	4.545.789.312
6. Chi phí tài chính	22	28	52.026.617.761	49.280.943.105
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		51.125.163.150	47.896.612.921
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	13.218.569.387	16.294.020.341
8. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		(59.620.339.988)	(75.841.568.863)
9. Thu nhập khác	31	30	9.855.827.674	14.490.463.485
10. Chi phí khác	32		1.122.499.500	4.147.874.909
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		8.733.328.174	10.342.588.576
12. Tổng lỗ kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(50.887.011.814)	(65.498.980.287)
13. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50)	60		(50.887.011.814)	(65.498.980.287)
14. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	32	(855)	(1.101)


 Mạc Thị Hồng Vương
 Người lập


 Đinh Hồng Nhung
 Phụ trách kế toán




 Nguyễn Quang Hiếu
 Giám đốc
 Ngày 19 tháng 3 năm 2020

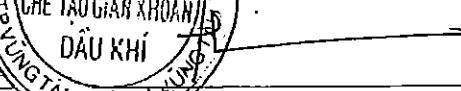
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. <i>Lỗ trước thuế</i>	01	(50.887.011.814)	(65.498.980.287)
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	35.901.431.129	35.737.186.184
Các khoản dự phòng	03	(5.716.163.613)	(17.214.184.990)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(342.902.986)	(174.084.557)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.712.069.316)	(2.992.418.211)
Chi phí lãi vay	06	51.125.163.150	47.896.612.921
3. <i>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	27.368.446.550	(2.245.868.940)
Thay đổi các khoản phải thu	09	104.947.971.543	115.048.442.498
Thay đổi hàng tồn kho	10	1.955.099.345	(4.627.858.174)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(101.545.435.071)	(76.361.994.942)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(7.892.442.517)	(8.981.544.285)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(13.920.347)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	18.908.529.794
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.120.726.770)	(30.265.944.046)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	18.712.913.080	11.459.841.558
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(8.884.689.858)	(6.062.798.828)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	165.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(13.929.105.548)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.481.215.708	-
5. Tiền thu lãi tiền gửi	27	2.678.262.244	2.992.418.211
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	4.439.788.094	(16.999.486.165)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.000.000.000)	(10.000.000.000)
2. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(85.929.500)	(68.127.508)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(2.085.929.500)	(10.068.127.508)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	50	21.066.771.674	(15.607.772.115)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	28.358.304.357	44.027.098.367
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	264.251.061	(61.021.895)
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</i>	70	49.689.327.092	28.358.304.357


Mạc Thị Hồng Vương
Người lập


Đinh Hồng Nhung
Phụ trách kế toán


Nguyễn Quang Hiếu
Giám đốc
Ngày 19 tháng 3 năm 2020



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3500806844 ngày 09 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là nhân viên 530 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 484 nhân viên).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên quan; kinh doanh các loại thiết bị và nguyên vật liệu liên quan.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Hoạt động chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa các loại giàn khoan khai thác dầu khí, phương tiện nổi, chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty tương ứng theo thời gian thực hiện việc đóng mới và sửa chữa, tùy theo từng dự án, thường là trong thời gian 1 đến 3 năm cho việc đóng mới và không quá 12 tháng cho dịch vụ sửa chữa.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã báo cáo số lỗ lũy kế là 790.024.180.334 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 739.137.168.520 đồng) và cũng tại ngày này, tổng nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 467.528.293.404 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 362.822.300.197 đồng). Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo ra đủ lượng tiền phục vụ kinh doanh. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã thận trọng đánh giá kế hoạch chi tiết các dòng tiền thu, chi trong vòng 12 tháng tới và tin tưởng rằng đến hết năm 2020, Công ty vẫn đủ khả năng nguồn tiền cho hoạt động sản xuất, kinh doanh. Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày trên cơ sở hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản làm suy giảm giá trị. Các khoản làm suy giảm giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc, thiết bị	5 - 7
Thiết bị vận phòng	3 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 20
Thiết bị hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp	2 - 3
Khác	3

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản vô hình bao gồm phần mềm vi tính và phần mềm thiết kế tàu biển hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy vi tính và phần mềm thiết kế tàu biển mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì giá mua sẽ được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính và phần mềm thiết kế tàu biển được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất là 47 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị san lấp mặt bằng và công cụ, dụng cụ, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn trên 1 năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem thuyết minh dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được xác định bằng một trong các phương pháp sau: (a) tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, (b) đánh giá phần công việc đã hoàn thành, (c) tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của hợp đồng.

Đối với hợp đồng xây dựng với giá cố định, kết quả hợp đồng được ước tính đáng tin cậy khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Tổng doanh thu của hợp đồng tính toán được một cách đáng tin cậy;
- (b) Công ty thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng;
- (c) Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy;
- (d) Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán được một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.

Ngoài ra, Công ty phải thường xuyên xem xét và khi cần thiết phải điều chỉnh lại các dự toán về doanh thu và chi phí của hợp đồng trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	260.592.595	87.283.541
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.204.521.852	14.871.020.816
Các khoản tương đương tiền	<u>32.224.212.645</u>	<u>13.400.000.000</u>
	<u>49.689.327.092</u>	<u>28.358.304.357</u>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng hưởng lãi suất hằng năm từ 4,3%/năm đến 5,3%/năm.

Công ty đã sử dụng 1 hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu với số tiền là 3.000.000.000 đồng và 1 hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu với số tiền là 1.840.000.000 đồng để đảm bảo cho bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn từ 5 đến 12 tháng hưởng lãi suất hàng năm từ 5,4%/năm đến 7,4%/năm (năm 2018: 4,5%/năm đến 7,0%/năm).

Công ty đã sử dụng 1 hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu với số tiền là 1.000.000.000 đồng và các hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu với số tiền là 11.280.446.700 đồng để đảm bảo cho bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu khách hàng là bên thứ ba		
- Ban Quản Lý Dự án Công trình DKI	2.805.539.000	27.616.490.000
- Công ty TNHH Steinsvik	-	17.398.310.000
- Công ty TNHH Strategic Marine	1.363.196.942	1.363.196.942
- Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xây Dựng AMECC	1.620.614.163	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	6.164.570.404	4.086.057.645
b. Phải thu khách hàng là bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 33)	27.023.326.605	10.927.338.612
	<u>38.977.247.114</u>	<u>61.391.393.199</u>

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu người lao động	437.387.578	532.793.899
Phải thu khác		
- Cơ quan Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu	154.806.048	154.806.048
- Đối tượng khác	1.545.804.449	1.209.434.528
	<u>2.137.998.075</u>	<u>1.897.034.475</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	930.009.555	-	612.755.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	49.515.947.668	(1.222.555.650)	58.358.948.424	(1.159.613.842)
Công cụ, dụng cụ	2.392.023.086	-	3.748.764.246	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	31.035.159.715	-	23.107.771.699	-
	<u>83.873.140.024</u>	<u>(1.222.555.650)</u>	<u>85.828.239.369</u>	<u>(1.159.613.842)</u>

Trong năm, Công ty đã trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 62.941.808 đồng (năm 2018: Công ty đã đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho chậm luân chuyển với số tiền là 15.843.308.859 đồng).

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	201.163.919	17.911.446
- Các khoản khác	363.251.518	667.353.501
	<u>564.415.437</u>	<u>685.264.947</u>
b. Dài hạn		
- Tiền thuê đất (*)	114.017.616.235	117.099.173.431
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.945.301.710	11.263.343.252
- Các khoản khác	17.854.070.551	2.441.179.786
	<u>138.816.988.496</u>	<u>130.803.696.469</u>

(*) Tiền thuê đất thể hiện tiền thuê mặt bằng tại căn cứ cảng PTSC thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với diện tích 39,8 ha theo Hợp đồng thuê số CN0107001/HDKT - PVSĐ ngày 06 tháng 12 năm 2007 đã ký kết với Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình cho mục đích xây dựng văn phòng, nhà xưởng, kho bãi phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn thuê được tính từ khi hai bên ký biên bản bàn giao mặt bằng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2057.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Số cuối năm VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	237.854.790	825.367.365	(802.051.245)	261.170.910
Thuế nhà thầu	1.167.051.249	254.215.267	(414.668.401)	1.006.598.115
Thuế khác	6.000.000	181.648.370	(134.159.391)	53.488.979
	1.410.906.039	1.261.231.002	(1.350.879.037)	1.321.258.004
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	1.977.410.537	(498.932.878)	1.478.477.659
	-	1.977.410.537	(498.932.878)	1.478.477.659

042
W
KH
KH
BA

011251
CHI N
CÔN
CH NH
JELC
VIET
TP

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Thiết bị hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ							
Số dư đầu năm	738.700.932.081	119.394.673.735	394.782.484.631	9.915.471.119	3.850.699.617	5.036.413.825	1.271.680.675.008
Tăng trong năm	-	280.615.000	-	-	-	1.740.646.400	2.021.261.400
Thanh lý	-	(3.707.346.585)	-	(174.273.218)	-	(31.865.000)	(3.913.484.803)
Điều chỉnh theo biên bản kiểm kê	(1.761.466.564)	(867.227.341)	(664.632.000)	(169.200.181)	-	(2.254.117.436)	(5.716.643.522)
Số dư cuối năm	<u>736.939.465.517</u>	<u>115.100.714.809</u>	<u>394.117.852.631</u>	<u>9.571.997.720</u>	<u>3.850.699.617</u>	<u>4.491.077.789</u>	<u>1.264.071.808.083</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư đầu năm	491.770.096.349	97.571.910.107	231.230.463.709	9.556.794.807	3.780.890.339	4.507.741.989	838.417.897.300
Khấu hao trong năm	15.730.558.734	3.570.316.730	15.768.213.761	199.512.620	53.576.639	572.579.696	35.894.758.180
Thanh lý	-	(3.576.153.657)	-	(174.273.218)	-	-	(3.750.426.875)
Điều chỉnh theo biên bản kiểm kê	(1.619.307.646)	(867.227.341)	(664.632.000)	(169.200.181)	-	(2.254.117.436)	(5.574.484.604)
Số dư cuối năm	<u>505.881.347.437</u>	<u>96.698.845.839</u>	<u>246.334.045.470</u>	<u>9.412.834.028</u>	<u>3.834.466.978</u>	<u>2.826.204.249</u>	<u>864.987.744.001</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày đầu năm	<u>246.930.835.732</u>	<u>21.822.763.628</u>	<u>163.552.020.922</u>	<u>358.676.312</u>	<u>69.809.278</u>	<u>528.671.836</u>	<u>433.262.777.708</u>
Tại ngày cuối năm	<u>231.058.118.080</u>	<u>18.401.868.970</u>	<u>147.783.807.161</u>	<u>159.163.692</u>	<u>16.232.639</u>	<u>1.664.873.540</u>	<u>399.084.064.082</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp công trình xây dựng và các tài sản, trang thiết bị gắn liền với công trình xây dựng; tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với dự án, các trang thiết bị được xây dựng thêm, mua, nâng cấp, gắn liền hoặc tọa lạc tại địa điểm khu vực cảng Sao Mai Bến Đình số 65A2 đường 30/4, Phường Thăng Nhất, Thành phố Vũng Tàu với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 399.084.064.082 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 433.262.777.708 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 109.866.765.532 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 93.619.717.933 đồng).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Phần mềm hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	18.427.934.780	56.022.374.210	74.450.308.990
Thanh lý	(82.423.620)	-	(82.423.620)
Số dư cuối năm	18.345.511.160	56.022.374.210	74.367.885.370
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	18.066.437.206	52.211.881.791	70.278.318.997
Khấu hao trong năm	60.249.588	3.810.492.419	3.870.742.007
Thanh lý	(82.423.620)	-	(82.423.620)
Số dư cuối năm	18.044.263.174	56.022.374.210	74.066.637.384
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	361.497.574	3.810.492.419	4.171.989.993
Tại ngày cuối năm	301.247.986	-	301.247.986

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nguyên giá tài sản vô hình của Công ty bao gồm các tài sản vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 73.968.312.240 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 41.100.298.145 đồng).

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
- National Oilwell Varco LP	30.427.937.922	30.427.937.922	53.692.585.751	53.692.585.751
- Công ty TNHH Oakwell Engineering (Việt Nam)	4.957.738.622	4.957.738.622	8.957.738.622	8.957.738.622
- Công ty TNHH Thép IPC Sài Gòn	558.568.320	558.568.320	4.563.409.320	4.563.409.320
- Phải trả cho các đối tượng khác	48.728.416.688	48.728.416.688	63.774.842.157	63.774.842.157
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (chỉ tiết tại Thuyết minh số 33)	16.770.650.019	16.770.650.019	15.190.351.107	15.190.351.107
	101.443.311.571	101.443.311.571	146.178.926.957	146.178.926.957

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
- ARKTIKMORNEFTEGAZRAZVEDKA Open Joint-Stock Company	-	28.074.798.885
- Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5.053.478.663	5.053.478.663
- Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xây Dựng AMECC	4.585.031.704	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	419.012.017	354.984.452
b. Bên liên quan trả tiền trước ngắn hạn (chỉ tiết tại Thuyết minh số 33)	7.330.604.848	-
	17.388.127.232	33.483.262.000

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Chi phí lãi vay	166.493.501.353	115.368.338.203
Chi phí dự án Murmanskaya	-	33.994.090.327
Chi phí dịch vụ dự án DKI/19 (P14)	-	8.281.784.744
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản (gói thầu XL2)	2.943.135.254	7.018.078.517
Chi phí dự án Cá hồi 2, 3	-	4.465.339.505
Chi phí dự án Gallaf	3.898.663.344	-
Dự phòng trợ cấp nghỉ bù	1.401.995.028	1.721.290.567
Chi phí khác	1.244.861.112	1.682.667.586
	<u>175.982.156.091</u>	<u>172.531.589.449</u>

Chi phí phải trả lãi vay thể hiện lãi vay lũy kế phải trả của khoản vay từ Tổng công ty Cổ phần Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVFC") nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (gọi tắt là "PVcomBank").

Hiện tại, Ban Giám đốc Công ty đang làm việc với bên cho vay để thực hiện tái cơ cấu khoản vay, bao gồm lãi vay này.

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải trả cổ tức	18.309.932.692	18.395.862.192
Phải trả khác	2.293.527.435	3.017.331.932
	<u>20.603.460.127</u>	<u>21.413.194.124</u>

17. VAY NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn thể hiện khoản nợ dài hạn tới hạn trả của khoản vay từ Tổng công ty Cổ phần Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVFC") nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (gọi tắt là "PVcomBank").

Hiện tại, Ban Giám đốc Công ty đang làm việc với bên cho vay để thực hiện tái cơ cấu khoản vay.

18. VAY DÀI HẠN

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
	<u>VND</u> Giá trị		<u>VND</u> Giảm	<u>VND</u> Giá trị
Vay dài hạn	352.104.449.097	Tăng	(78.000.000.000)	274.104.449.097
	352.104.449.097		(78.000.000.000)	274.104.449.097

Vay và nợ dài hạn thể hiện khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVFC") nay là Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (gọi tắt là "PVcomBank"). Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản máy móc thiết bị của Công ty theo hợp đồng thế chấp số 03/2013/HĐTC-TCĐK-CNVT.TĐ&QLTD ngày 27 tháng 9 năm 2013 (xem thêm Thuyết minh số 13). Khoản vay này gồm 2 hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 11/2011/HĐTDUT/TCĐK-CNVT.TĐ ngày 17 tháng 5 năm 2011 với số tiền 641 tỷ đồng cho mục đích thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí". Thời hạn vay ban đầu là 12 tháng từ ngày 24 tháng 5 năm 2011 đến ngày 24 tháng 5 năm 2012 và gia hạn đến ngày 24 tháng 11 năm 2014 theo Phụ lục số 01/11/2011/HĐTDUT/TCĐK-CNVT.TĐ. Khoản vay này đã được giải ngân hết trong năm 2011.
- Hợp đồng tín dụng số 07/HĐTDUT/TCĐK-CNVT.TĐ ngày 18 tháng 3 năm 2011 với số tiền tối đa là 250 tỷ đồng cho mục đích thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí". Lãi suất vay bằng lãi suất huy động vốn từ tổ chức kinh tế kỳ hạn 12 tháng của PVcomBank tại thời điểm xác định lãi suất cộng 5%/năm đối với khoản vay giải ngân trước ngày 06 tháng 10 năm 2011 và 14,2%/năm đối với khoản vay giải ngân sau ngày 06 tháng 10 năm 2011. Thời hạn vay là thời hạn từ khi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chuyển vốn ủy thác cho PVcomBank đến ngày 06 tháng 4 năm 2012.

Ngày 09 tháng 5 năm 2013, Công ty và PVcomBank đã ký hai Phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/07/HĐTDUT/TCĐK-CNVT.TĐ và số 02/11/2011/HĐTDUT/TCĐK-CNVT.TĐ cho hai hợp đồng tín dụng. Theo đó, hai khoản vay này được cơ cấu lại và gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2019. Hai khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 30 tháng 6 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng phí ủy thác (0,15%/năm).

Ngày 29 tháng 6 năm 2015, Công ty và PVcomBank đã ký bổ sung phụ lục của hai hợp đồng tín dụng số 02/07/HĐTDUT/TCĐK-CNVT.TĐ và số 02/11/2011/HĐTDUT/TCĐK-CNVT.TĐ. Theo đó, khoản nợ gốc còn lại sẽ được trả tới ngày 30 tháng 6 năm 2024. Số dư nợ gốc còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 613.104.449.097 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 615.104.449.097 đồng).

Hiện tại, Ban Giám đốc Công ty đang làm việc với bên cho vay để thực hiện tái cơ cấu khoản vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	339.000.000.000	263.000.000.000
Trong năm thứ hai	78.000.000.000	78.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	196.104.449.097	234.000.000.000
Sau năm năm	-	40.104.449.097
	<u>613.104.449.097</u>	<u>615.104.449.097</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(339.000.000.000)	(263.000.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>274.104.449.097</u>	<u>352.104.449.097</u>

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Dự phòng phải trả ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành dự án giàn khoan Tam Đảo	-	1.574.386.174
- Dự phòng bảo hành dự án DKI	-	2.150.592.841
- Dự phòng bảo hành các dự án khác	-	1.026.401.071
	-	<u>4.751.380.086</u>
b. Dự phòng phải trả dài hạn		
- Dự phòng bảo hành dự án Oman	-	1.007.365.835
- Dự phòng dự kiến mất việc làm	379.653.375	400.102.875
	<u>379.653.375</u>	<u>1.407.468.710</u>

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lỗi lũy kế VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	594.897.870.000	2.597.721.463	(673.638.188.233)	(76.142.596.770)
Lỗi trong năm	-	-	(65.498.980.287)	(65.498.980.287)
Số dư đầu năm nay	<u>594.897.870.000</u>	<u>2.597.721.463</u>	<u>(739.137.168.520)</u>	<u>(141.641.577.057)</u>
Lỗi trong năm	-	-	(50.887.011.814)	(50.887.011.814)
Số dư cuối năm nay	<u>594.897.870.000</u>	<u>2.597.721.463</u>	<u>(790.024.180.334)</u>	<u>(192.528.588.871)</u>

Cổ phần

	31/12/2019	31/12/2018
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	59.489.787	59.489.787
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	59.489.787	59.489.787
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	59.489.787	59.489.787

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết cổ đông và vốn cổ phần tại ngày kết thúc niên độ như sau:

	Tại ngày 31/12/2019 và 31/12/2018		
	%	Số cổ phần	Vốn đã góp (VND)
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	28,75	17.105.643	171.056.430.000
Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	7,53	4.479.257	44.792.570.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4,03	2.400.000	24.000.000.000
Liên doanh Dầu khí Việt-Nga	3,63	2.161.300	21.613.000.000
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	4,03	2.400.000	24.000.000.000
Các cổ đông khác	52,03	30.943.587	309.435.870.000
	100,00	59.489.787	594.897.870.000

21. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC

	Nguồn kinh phí VND
Tại ngày đầu năm	(2.228.334.472)
- Nguồn kinh phí	(6.092.403.530)
- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	3.864.069.058
Giảm trong năm	2.178.257.712
- Nguồn kinh phí	6.042.326.770
<i>Trong đó: Sử dụng nguồn kinh phí</i>	6.042.326.770
- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	(3.864.069.058)
<i>Trong đó: Khấu hao tài sản hình thành</i>	<i>(3.864.069.058)</i>
Tại ngày cuối năm	(50.076.760)
- Nguồn kinh phí	(50.076.760)
- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
<i>Đô la Mỹ ("USD")</i>	72.663	400.300
<i>Euro ("EUR")</i>	96	102

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên quan. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Về mặt địa lý, Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

24. DOANH THU THUẦN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ		
Dịch vụ bến bãi, phương tiện, cầu cảng, dịch vụ khác	78.914.061.375	55.293.537.236
Dịch vụ chế tạo, đóng mới, sửa chữa phương tiện nổi	265.799.476.796	308.201.585.075
	344.713.538.171	363.495.122.311

25. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dịch vụ bến bãi, phương tiện, cầu cảng, dịch vụ khác	31.149.995.801	30.169.478.438
Dịch vụ chế tạo, đóng mới, sửa chữa phương tiện nổi	311.170.207.102	348.138.038.602
	342.320.202.903	378.307.517.040

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.339.084.169	123.824.303.254
Chi phí nhân công	66.527.035.353	76.093.260.486
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.037.362.071	35.737.186.184
Chi phí dịch vụ mua ngoài	194.580.954.514	139.351.014.213
Chi phí khác bằng tiền	9.298.311.724	14.739.238.064
	334.782.747.831	389.745.002.201

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	2.678.262.244	2.992.418.211
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	553.249.648	1.553.371.101
	3.231.511.892	4.545.789.312

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	51.125.163.150	47.896.612.921
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	901.454.611	1.384.330.184
	52.026.617.761	49.280.943.105

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương	6.537.811.359	4.737.882.529
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.419.336.163	6.959.696.477
Chi phí khác	3.261.421.865	4.596.441.335
	13.218.569.387	16.294.020.341

30. LÃI KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	9.855.827.674	14.490.463.485
Tiền bồi thường	3.720.018.534	660.860.240
Hoàn nhập chi phí bồi thường dự án Daman	1.007.365.836	-
Hoàn nhập chi phí bồi thường dự án DK	2.150.502.842	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành dự án Tam Đảo	-	4.126.242.758
Thu nhập khác từ miễn giảm công nợ	-	5.685.695.121
Thu nhập khác	2.977.940.462	4.017.665.366
Chi phí khác	1.122.499.500	4.147.874.909
Phạt thuế	-	2.051.518.954
Thuế xuất nhập khẩu không được hoàn	-	226.143.338
Chi phí khác	1.122.499.500	1.870.212.617
Lãi khác	8.733.328.174	10.342.588.576

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ trước thuế	(50.887.011.814)	(65.498.980.287)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.469.035.161)	(16.816.081.206)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	43.577.949.905	26.191.299.972
Lỗ tính thuế	(8.778.097.070)	(56.123.761.521)
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế. Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập tính thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng là 544.960.610.268 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 536.182.513.199 đồng) có thể được dùng để khấu trừ các khoản lợi nhuận trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế này vì không chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kết chuyển trong thời gian 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Lợi ích từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ hết hạn theo biểu sau:

Năm	VND
2021	406.176.286.722
2022	73.882.464.956
2023	56.123.761.521
2024	8.778.097.070
	544.960.610.268

32. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ để tính lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(50.887.011.814)	(65.498.980.287)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	59.489.787	59.489.787
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(855)	(1.101)

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Cổ đông lớn
Liên doanh Dầu khí Việt - Nga	Cổ đông
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Cổ đông
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt Điện Long Phú	Cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu Tư Dầu Khí Sao Mai - Bến Đình	Cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khoan dầu khí nước sâu PVD	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành Viên Công Nghiệp Tàu Thủy Dung Quất	Cùng Tập đoàn
Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam - Vinashin	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bọc ống dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu dịch vụ		
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt Điện Long Phú	4.426.874.189	14.672.762.388
Công ty Cổ phần Đầu Tư Dầu Khí Sao Mai - Bến Đình	8.883.806.695	3.794.875.721
Công ty TNHH MTV Khoan dầu khí nước sâu PVD	10.310.256.075	10.235.415.305
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình, Dầu khí biển PTSC	2.287.904.123	4.612.269.750
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	79.992.001.558	26.213.859.756

Mua dịch vụ		
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt Điện Long Phú	206.919.062	582.426.072
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu Khí Sao Mai - Bến Đình	12.844.023.841	7.432.246.068
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	558.806.135	1.204.178.426
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD	921.436.318	-
Liên doanh Việt - Nga Vletsovetro	759.828.000	472.238.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Công Nghiệp Tàu Thủy Dung Quất	117.119.323.528	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	3.395.180.731	-

Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và ban kiểm soát của Công ty được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương và thưởng Ban Giám đốc	1.818.178.095	1.371.443.573
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.093.932.963	436.258.519
	2.912.111.058	1.807.702.092

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B.09-DN

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu		
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	9.376.854.913	594.787.808
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	11.920.069.692	3.744.536.833
Công ty TNHH MTV Khoan dầu khí nước sâu PVD	5.726.402.000	5.469.504.521
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	-	1.118.509.450
	27.023.326.605	10.927.338.612
Ứng trước cho người bán		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	200.276.759	-
Phải trả		
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	522.689.000	189.692.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	5.794.310.613	7.221.383.077
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	-	1.966.909.857
Công ty Cổ phần Bọc ống dầu khí Việt Nam	5.812.366.173	5.812.366.173
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD	513.579.950	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	1.071.333.964	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Công Nghiệp Tàu Thủy Dung Quất	3.056.370.319	-
	16.770.650.019	15.190.351.107
Người mua trả tiền trước		
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt Điện Long Phú	361.893.117	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC	6.968.711.731	-
	7.330.604.848	-
Các khoản phải trả khác		
Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam - Vinashin	2.239.628.500	2.239.628.500
Liên doanh Dầu khí Việt.- Nga	1.080.650.000	1.080.650.000
	3.320.278.500	3.320.278.500

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm khoản tiền 166.493.501.353 đồng (năm 2018: 115.368.338.203 đồng) là chi phí lãi vay phát sinh trong năm mà chưa thanh toán. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải trả.


35. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 19 tháng 3 năm 2020.


Mạc Thị Hồng Vượng
Người lập


Đinh Hồng Nhung
Phụ trách kế toán




Nguyễn Quang Hiếu
Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2020



Tài liệu đính kèm
Nghị quyết số
002/20/NQ-ĐHĐCĐ
ngày 03/06/2020

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về công tác quản lý giám sát hoạt động SXKD năm 2019
và kế hoạch hoạt động năm 2020

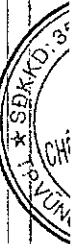
Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí

Hội đồng quản trị xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông công ty về công tác quản lý giám sát trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và phương hướng hoạt động năm 2020 như sau:

1. Đánh giá tình hình chung năm 2019:

Hội đồng quản trị công ty đã tích cực xem xét chỉ đạo trên nguyên tắc cẩn trọng, cũng như những cố gắng nỗ lực của Ban điều hành cùng toàn thể CBCNV công ty đã duy trì được hoạt động của công ty trong giai đoạn hết sức khó khăn. HĐQT đã xem xét chỉ đạo Ban điều hành làm việc với đơn vị kiểm toán Deloitte để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính giữa năm 2019 và báo cáo tài chính kiểm toán cả năm 2019 (tài liệu đã được công bố trên website của công ty và nộp báo cáo các cổ đông lớn, các cơ quan chức năng). Cơ bản báo cáo tài chính tại thời điểm 30/6/2019 và tại thời điểm 31/12/2019 đã phản ánh được tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của công ty.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD như đã ghi chi tiết trong báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 của công ty. Chỉ tiêu doanh thu thực hiện đạt 357,8 tỷ đồng, hoàn thành 89,45% mục tiêu kế hoạch đề ra. Nguyên nhân là do dự án nhiệt điện Thái Bình 2, chủ đầu tư chưa cấp đủ vật tư nên các hạng mục thi công đang dở dang, do đó chưa ghi nhận doanh thu trong năm 2019 của dự án này (khoảng 50 tỷ đồng). Chỉ tiêu lợi nhuận trong năm ghi nhận -50,887 tỷ đồng, đã giảm lỗ được 22,3% so cùng kỳ năm trước, nguyên nhân do công ty đã tăng cường quản lý giám sát chặt chẽ hơn công tác tiết kiệm chống lãng phí. Đồng thời các dự án, gói thầu do công ty thực hiện, bàn giao đúng tiến độ và chất lượng, được các chủ đầu tư, tổng thầu hài lòng và đánh giá cao. Lĩnh vực cung cấp dịch vụ được công ty tiếp tục đẩy mạnh như: cầu cảng, bãi chế tạo cho nhiều đơn vị trong và ngoài ngành để nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, mang lại doanh thu và lợi nhuận. Công tác phát triển kinh doanh, tìm kiếm khách hàng tiếp tục đạt được hiệu quả trong năm 2019, công ty đã ký kết được 06 hợp đồng thi công chế tạo mới với tổng giá trị hợp đồng dự án trên 200 tỷ đồng (chưa tính các hợp đồng cung cấp dịch vụ), đảm bảo khối lượng công việc để duy trì hoạt động sản xuất. Công ty bắt đầu có lợi nhuận gộp trong SXKD và tiếp tục trả được 2 tỷ đồng tiền nợ gốc của khoản vay ủy thác do PvCombank quản lý, giảm khoản vay này xuống còn 613 tỷ đồng.



2. Thực hiện chức năng nhiệm vụ của HĐQT năm 2019:

Trong năm, HĐQT đã tiến họp và lấy ý kiến các Thành viên HĐQT để quyết định các vấn đề của công ty. Các cuộc họp và những lần lấy ý kiến đều có sự tham gia của Ban Kiểm soát công ty. Các văn bản liên quan đến cuộc họp được gửi đầy đủ và kịp thời cho các bộ phận để biết và thực hiện theo quy định.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp (*)	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Quang Hiếu	Chủ tịch	04	100%	
2	Ông Nguyễn Văn Bảo	Thành viên	04	100%	
3	Ông Đông Quang Triều	Thành viên	04	100%	
4	Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên	04	100%	
5	Ông Vũ Minh Phú	Thành viên	04	100%	
6	Ông Lê Hưng	Thành viên	0	0%	(**)
7	Bà Lê Hương Giang	Thành viên	04	100%	

(*) HĐQT đã tổ chức họp trực tiếp theo quy định tại Điều lệ công ty và một số lần xin ý kiến bằng văn bản.

(**) Ông Lê Hưng – TV.HQĐT xin vắng mặt.

- HĐQT đã ban hành một số biên bản họp và nghị quyết:

TT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Nội dung
1	002/19/BBH-HQĐT	15/01/2019	Họp HĐQT ngày 15/01/2019
2	026/19/BBH-HQĐT	16/04/2019	Họp HĐQT ngày 16/04/2019
3	030/19/BBH-HQĐT	30/07/2019	Họp HĐQT ngày 30/07/2019
4	033/19/BBH-HQĐT	12/12/2019	Họp HĐQT ngày 12/12/2019
5	003/19/NQ-HQĐT	15/01/2019	Thông qua một số nội dung chuẩn bị cho họp ĐHCĐ2019

- Xem xét các Báo cáo sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2019, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của công ty và yêu cầu điều chỉnh một số chỉ tiêu cho phù hợp với tình hình thực tế để trình Đại hội xem xét phê duyệt.
- Tích cực theo dõi chỉ đạo công ty đẩy nhanh việc quyết toán các dự án đã thực hiện xong.
- Tích cực theo dõi chỉ đạo công ty tiếp tục triển khai dự án khoa học & công nghệ giai đoạn 2 về Nghiên cứu thiết kế chi tiết, thiết kế cơ sở, công nghệ chế tạo, tích hợp, hạ thủy các loại giàn khoan dầu khí di động khác.
- Thường xuyên theo dõi chỉ đạo công ty rà soát các hạng mục đầu tư để tránh việc đầu tư dàn trải và tập trung vào các hạng mục, trang thiết bị thực sự cần thiết phục vụ cho những dự án đang thi công.

3. Hoạt động của các Thành viên HĐQT:

- Hội đồng quản trị có 07 thành viên hoạt động kiêm nhiệm. Cơ bản các thành viên đã hoàn thành đúng chức trách, nhiệm vụ và tuân thủ theo quy định như nêu mục 2 ở trên. Riêng ông Lê Hưng – thành viên HĐQT không có điều kiện tham gia các cuộc họp của HĐQT quá 06 tháng theo quy định của Luật và Điều lệ công ty.

4. Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019:

HĐQT đã xem xét chỉ đạo công ty thực hiện các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (Đại hội) ngày 17/04/2019.

5. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT năm 2019:

- Mức thù lao đối với các thành viên HĐQT không chuyên trách là: 03 triệu VNĐ/người/tháng theo Nghị quyết ĐHCĐ thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2019; Đối với thành viên HĐQT chuyên trách hưởng lương theo chế độ tiền lương của công ty, trên cơ sở quy định hiện hành. Chi tiết thực hiện như đã nêu tại Tờ trình thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT & BKS năm 2019 và kế hoạch năm 2020.

- Chi phí hoạt động của HĐQT năm 2019 (tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các chi phí hợp lý khác khi thực thi các hoạt động của HĐQT; gồm cả các chi phí phát sinh tham dự các cuộc họp của HĐQT...): áp dụng theo định mức của Công ty và tuân thủ quy định hiện hành.

6. Công tác kiểm tra giám sát hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

HĐQT đã tích cực xem xét chỉ đạo trên nguyên tắc cẩn trọng đối với những hoạt động của Ban Giám đốc, và đánh giá cao sự năng động, những cố gắng nỗ lực tìm kiếm thêm hợp đồng sửa chữa gia công chế tạo của Ban Giám đốc đã giúp duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, tạo được dòng tiền đủ trang trải các chi phí lý trực tiếp và gián tiếp của công ty trong giai đoạn khó khăn của năm 2019.

7. Phương hướng hoạt động năm 2020:

Hội đồng quản trị tiếp tục nghiên cứu định hướng phát triển công ty theo nguyên tắc cẩn trọng, hiệu quả, với một số mục tiêu chính như sau:

- Tiếp tục theo dõi chỉ đạo công ty thực hiện tốt các mốc tiến độ và chất lượng thi công một số dự án công ty đang thực hiện.
- Tiếp tục chỉ đạo công ty phát triển công tác marketing, tìm kiếm thêm các hợp đồng dự án khác để đảm bảo duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty ổn định lâu dài.
- Tiếp tục chỉ đạo công ty thực hiện công tác kiểm soát và giảm thiểu các chi phí để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, kiện toàn bộ máy nhân sự theo mô hình gọn nhẹ và hoạt động hiệu quả.
- Tiếp tục chỉ đạo công ty duy trì việc áp dụng tốt Hệ thống quản lý tích hợp QHSE đã đạt được và các hệ thống khác.
- Theo dõi, giám sát chỉ đạo Ban điều hành công ty thực hiện theo kế hoạch SXKD đã lập cho năm 2020 của công ty được Đại hội thông qua.

8. Một số kiến nghị:

Hội đồng quản trị có một số kiến nghị với Đại hội để xem xét thông qua như sau:

- Báo cáo tổng kết SXKD năm 2019, kế hoạch SXKD năm 2020 của công ty;
- Tờ trình v/v thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019;
- Tờ trình thù lao và chi phí hoạt động Thành viên HĐQT và Thành viên BKS năm 2019 và kế hoạch năm 2020;

- Tờ trình v/v Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc;
- Tờ trình v/v phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch năm 2020;
- Tờ trình v/v miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Lê Hưng;
- Tờ trình v/v bổ sung thành viên HĐQT.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo của Hội đồng quản trị công ty về công tác quản lý công ty trong hoạt động SXKD năm 2019, phương hướng hoạt động năm 2020 và một số kiến nghị để Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Trân trọng!

**Nguyễn Quang Hiếu**

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV.HĐQT & BKS (e-copy);
- Lưu VP.HĐQT.

Tài liệu đính kèm
Nghị quyết số
002/20/NQ-ĐHĐCĐ
ngày 03/06/2020



Vũng Tàu, ngày 20 tháng 05 năm 2020

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần chế tạo giàn khoan dầu khí

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của ban kiểm soát được quy định trong điều lệ của Công ty cổ phần chế tạo giàn khoan dầu khí;
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2019 của công ty cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Trong năm 2019 Ban kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm soát theo quy định về các hoạt động của Công ty và xin báo cáo tới Đại hội một số nội dung sau:

- 1/ Kiểm tra đánh giá Báo cáo tài chính năm 2019.
- 2/ Nhận xét đánh giá việc quản lý điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019 và thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
- 3/ Kiến nghị, kết luận của Ban kiểm soát trong công tác quản lý điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc.
- 4/ Kế hoạch công tác năm 2020 của Ban kiểm soát.

I. NHẬN XÉT VIỆC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2019 CỦA CÔNG TY:

Căn cứ Báo cáo kiểm toán số 0427/VN1A-HC-BC ngày 19/03/2020 của Chi nhánh Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Ban kiểm soát đã thẩm định, thống nhất số liệu Kiểm toán và báo cáo tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2019 như sau:

1. Bảng tổng kết tài sản:

ĐVT: VND

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Cuối năm 2019	Đầu năm 2019	Tăng (+) Giảm (-)
1	Tổng tài sản	Đồng	744.547.937.550	862.227.690.850	-13,65%
-	Tài sản ngắn hạn	Đồng	195.114.207.305	289.763.384.375	-32,66%
-	Tài sản dài hạn	Đồng	549.433.730.245	572.464.306.475	-4,02%
2	Tổng nguồn vốn	Đồng	744.547.937.550	862.227.690.850	-13,65%
-	Nợ phải trả, trong đó:	Đồng	937.126.603.181	1.006.097.602.379	-6,86%
-	- Nợ ngắn hạn	Đồng	662.642.500.709	652.585.684.572	1,54%
-	- Nợ dài hạn	Đồng	274.484.102.472	353.511.917.807	-22,36%
-	- Phải trả người bán ngắn hạn	Đồng	101.443.311.571	146.178.926.957	-30,6%
-	- Người mua trả trước ngắn hạn	Đồng	17.388.127.232	33.483.262.000	-48,07%

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Cuối năm 2019	Đầu năm 2019	Tăng (+) Giảm (-)
-	Vốn CSH, trong đó:	Đồng	-192.578.665.631	-143.869.911.529	33,86%
	- Vốn góp của chủ sở hữu	Đồng	-192.528.588.871	-141.641.577.057	35,93%
	- Nguồn kinh phí và quỹ khác	Đồng	-50.076.760	-2.228.334.472	97,75%

2. Các chỉ tiêu chính về sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ TH/KH 2019 (%)	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ thực hiện 2019/2018 (%)
Doanh thu cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	400,000	344.713	86,18	363,495	94,83%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-48,541	-50.887	-104,83	-65,499	77,69%
Tỷ suất lợi nhuận /Doanh thu	%	1,21	14,76	-	-18,02	-
Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	%			-	-11,03	-
Cổ tức	%	0	0	0	0	0

3. Nhận xét đánh giá:

- Báo cáo tài chính năm 2019 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động SXKD và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số lỗ lũy kế của Công ty là: **790.024.180.334** đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là **739.137.168.520** đồng) và cũng tại thời điểm này, tổng nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là **467.528.293.404** đồng (662.642.500.709 đồng – 195.114.207.305 đồng). Tình hình tài chính của Công ty trong giai đoạn hiện tại vẫn còn rất nhiều khó khăn. Do đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo ra đủ lượng tiền phục vụ kinh doanh. Ban giám đốc Công ty đã thận trọng đánh giá kế hoạch chi tiết các dòng tiền thu, chi trong vòng 12 tháng tới và tin tưởng rằng đến hết năm 2020 Công ty vẫn đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn và nguồn tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày trên cơ sở hoạt động liên tục.

- Công tác quản lý Tài chính được thực hiện theo đúng chế độ chính sách hiện hành.

- Căn cứ vào bảng tổng hợp trên: Năm tài chính 2019 Công ty đã không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019 đã phê duyệt.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Cơ cấu tổ chức của BKS

Ban kiểm soát công ty được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 thông qua nhiệm kỳ 2017 -2022 gồm 05 thành viên:

1. Bà Lê Thị Mỹ Lâm:	Trưởng ban chuyên trách.
2. Ông Nguyễn Phương Anh:	TV BKS không chuyên trách
3. Bà Bùi Thanh Hương:	TV BKS Không chuyên trách
4. Ông Lục Dũng Minh:	TV BKS Không chuyên trách
5. Ông Vũ Mạnh Trường:	TV BKS Không chuyên trách

Chức năng nhiệm vụ của BKS nhằm theo dõi kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, chính xác và trung thực trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, ghi chép sổ sách kế toán của doanh nghiệp, báo cáo tài chính và việc chấp hành điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại điều lệ công ty.

2. Kết quả hoạt động của BKS 2019

Trong năm 2019 BKS đã bám sát nghị quyết ĐHĐCĐ, kế hoạch hoạt động và tình hình thực tế thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật doanh nghiệp, hàng quý đều tổ chức các cuộc họp đánh giá nhiệm vụ kiểm tra giám sát, xem xét báo cáo tài chính quý, giám sát các hoạt động của công ty. Duy trì mối quan hệ với các thành viên HĐQT, BGD và các cổ đông khác. Hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ cụ thể đã được BKS đề ra. Từng thành viên trong BKS đã hoàn thành đúng chức trách nhiệm vụ và tuân thủ theo quy định. Trong năm 2019, BKS đã tổ chức 04 cuộc họp.

3. Thù lao và chi phí hoạt động của BKS:

Trong năm 2019 thù lao và chi phí hoạt động của BKS không có gì thay đổi, cụ thể như sau:

- Đối với các thành viên BKS không chuyên trách, mức thù lao là 02 triệu VNĐ/người/tháng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp thường niên 2019.
- Trưởng BKS chuyên trách hưởng lương theo chế độ tiền lương, thu nhập, trên cơ sở quy định hiện hành.
- Chi phí hoạt động của BKS năm 2019: áp dụng theo định mức của Công ty và quy định hiện hành.

4. Công tác rà soát, kiểm tra, đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

Trong năm 2019 BKS tiếp tục duy trì việc chú trọng kiểm soát rủi ro thông qua việc rà soát lại các chính sách, quy định, quy trình nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật nhằm đảm bảo phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời rủi ro. Công ty đã xây dựng hệ thống quy trình khá đầy đủ trong đó bao gồm các cơ chế kiểm soát. Các quy trình này được thực thi tạo điều kiện hữu hiệu cho việc vận hành cơ chế kiểm soát.

Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm định soát xét các báo cáo , số liệu tài chính nội bộ cũng như tính chính xác của các số liệu báo cáo. Kết quả soát xét Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ tại thời điểm 31/12/2019 phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CỦA HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC:

1. Đối với HĐQT:

Các TV Hội đồng Quản trị đã bám sát chỉ đạo mọi hoạt động của công ty với tinh thần làm việc đoàn kết, tập trung, dân chủ.

Năm 2019 Hội đồng Quản trị đã tổ chức họp định kỳ theo quy định tại Điều lệ và Luật DN. HĐQT đã họp 4 lần

2. Đối với Ban Giám đốc:

Ban giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc điều hành sản xuất kinh doanh, đảm bảo duy trì liên tục hoạt động sản xuất, từng bước thay đổi diện mạo của công ty. Chủ động thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí, xử lý hiệu quả hợp lý các tài sản nhằm từng bước tháo gỡ khó khăn về tài chính. Quan tâm và chăm lo đời sống Người lao động.

Trong năm 2019, Ban kiểm soát không nhận được ý kiến nào của các Cổ đông về các vấn đề liên quan đến điều hành hoạt động SXKD của Ban lãnh đạo Công ty.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban Giám đốc với Ban kiểm soát:

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã tạo mọi điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định. Ban kiểm soát luôn duy trì kênh thông tin hiệu quả với Kiểm toán độc lập để đảm bảo giám sát được chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính cũng như cập nhật kịp thời các kết quả kiểm toán báo cáo tài chính. Ban kiểm soát Công ty được mời tham gia đầy đủ trong các phiên họp quan trọng của Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát được tham gia đầy đủ các cuộc họp giao ban để nắm bắt tình hình công ty và làm cơ sở cho việc giám sát, được đóng góp ý kiến theo đúng chức năng và quyền hạn của Ban kiểm soát.

IV. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2020 CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo các quy định của pháp luật và Công ty (Luật doanh nghiệp; điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế quản trị của công ty; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát).

Thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát mà điều lệ công ty đã quy định:

1 - Giám sát việc tuân thủ các qui định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty trong việc quản trị và điều hành Công ty.

2 - Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

3 - Rà soát, kiểm tra, đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

4 - Xem xét, thẩm định các báo cáo tài chính bán niên và cả năm của Công ty, kịp thời đưa ra những ý kiến đóng góp đối với HĐQT và Ban điều hành trong công tác quản trị, phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban điều hành và Ban kiểm soát.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

1- Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua báo cáo năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của Công ty để Ban điều hành làm cơ sở triển khai thực hiện.

2- Kính đề nghị ĐHCĐ thông qua BC tài chính đã kiểm toán năm 2019.

- 3- Căn cứ theo Luật DN và Điều lệ công ty, Ban kiểm soát kính trình về việc đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020 như Tờ trình đính kèm đề Đại hội đồng cổ thông qua.
- 4- Ban điều hành thường xuyên rà soát, hoàn thiện và hiệu chỉnh kịp thời hệ thống quy chế, quy định, quy trình nội bộ cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và tình hình kinh doanh thực tế.
- 5- Ban điều hành tích cực tìm kiếm việc làm nhằm bù đắp các khoản lỗ cũng như đảm bảo công ăn việc làm và cuộc sống cho người lao động trong công ty, cắt giảm hơn nữa các khoản chi phí, tiết kiệm chi tiêu, từng bước khắc phục lỗ lũy kế.
- 6- Ban điều hành quan tâm thường xuyên đội ngũ nhân sự, kịp thời ban hành các chính sách đãi ngộ phù hợp để giữ người lao động có năng lực, thu hút nhân tài; có kế hoạch đào tạo các nhân sự tiềm năng để xây dựng đội ngũ quản lý kế cận đảm bảo cho kế hoạch phát triển lâu dài của Công ty.
- 7- Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua tờ trình đính kèm về việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với ông Vũ Mạnh Trường.
- 8- Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua tờ trình bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát đính kèm.

Trên đây là Báo cáo về tình hình hoạt động năm 2019 và phương hướng năm 2020 của Ban Kiểm soát Công ty, kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Thay mặt Ban kiểm soát tôi chân thành cảm ơn Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các Phòng ban chức năng có liên quan cùng Quý cổ đông đã luôn tạo điều kiện cho Ban kiểm soát thực hiện tốt nhiệm vụ của mình. Xin kính chúc các Quý cổ đông nhiều sức khỏe và thành đạt, chúc đại hội thành công.

Trân trọng cảm ơn!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lê Thị Mỹ Lâm

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGD cty (e-copy);
- Lưu VT, BKS.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO
GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Vũng Tàu, ngày 19 tháng 05 năm 2020

Tài liệu đính kèm
Nghị quyết số
002/20/NQ-ĐHĐCĐ
ngày 03/06/2020

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua BCTC kiểm toán năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông công ty PV Shipyard

- Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2014; Luật chứng khoán năm 2006; Hướng dẫn một số điều của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của công ty CP Chế tạo giàn khoan Dầu khí;
- Căn cứ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty CP Chế tạo giàn khoan Dầu khí,

Hội đồng quản trị đã tổ chức chỉ đạo Ban điều hành công ty phối hợp với đơn vị kiểm toán Deloitte thực hiện xong việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 như tài liệu trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 và được công bố trên website của công ty. Về cơ bản Báo cáo tài chính kiểm toán tại ngày 31/12/2019 đã phản ánh được tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của công ty và không có điểm loại trừ.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua!

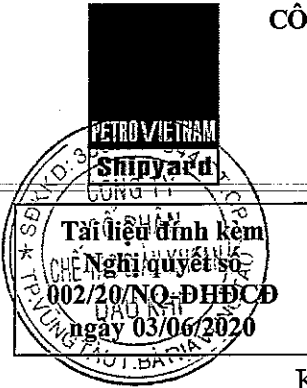
Trân trọng!


HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHẾ TẠO GIÀN KHOAN
DẦU KHÍ
TP. VŨNG TÀU, BÀ RỊA VŨNG TÀU

Nguyễn Quang Hiếu

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV.HDQT & BKS (e-copy);
- Lưu VP.HDQT.



Tp. Vũng Tàu, ngày 19 tháng 05 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty PV Shipyard

- Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2014; Luật chứng khoán năm 2006; Hướng dẫn một số điều của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán; Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn quản trị công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của công ty CP Chế tạo giàn khoan Dầu khí; Căn cứ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty CP Chế tạo giàn khoan Dầu khí,

Theo quy định tại khoản 1-Điều 22-Nghị định 71/2017/NĐ-CP, nhằm đảm bảo tốt công tác đánh giá, phân tích báo cáo tài chính đúng quy định chế độ báo cáo công bố thông tin. Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua danh sách một số công ty kiểm toán có uy tín được Bộ tài chính và Ủy ban CKNN chấp thuận kiểm toán cho doanh nghiệp niêm yết, để thực hiện việc soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2020 của công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí, cụ thể như sau:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam – Deloitte;
2. Công ty TNHH Kiểm toán VACO;
3. Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN);
4. Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán trong danh sách nêu trên phù hợp yêu cầu công việc soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2020 của công ty.

Kính trình!

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN


Lê Thị Mỹ Lâm

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT & BKS (e-copy)
- P.TCKT (p/h thực hiện);
- Lưu VP.HĐQT.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO
GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tài liệu đính kèm
Nghị quyết số
002/20/NQ-ĐHĐCĐ
ngày 03/06/2020

Tp. Vũng Tàu, ngày 19 tháng 05 năm 2020

TỜ TRÌNH

**V/v: thù lao và chi phí hoạt động Thành viên Hội đồng quản trị và
Thành viên Ban Kiểm soát năm 2019 và kế hoạch năm 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty PV Shipyard

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp; Điều lệ của công ty Cổ phần chế tạo giàn khoan Dầu khí;
- Căn cứ Quy chế trả lương của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí và khả năng chi trả thù lao của HĐQT và BKS năm 2020;
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí,

Hội đồng quản trị (HĐQT) xin báo cáo và kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông công ty (ĐHĐCĐ) xem xét thông qua chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát năm 2019 và kế hoạch năm 2020 như sau:

1. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2019:

- Thành viên Hội đồng quản trị: 07 người (không chuyên trách).
- Thành viên Ban Kiểm soát: 05 người (01 người chuyên trách và 04 người không chuyên trách).

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2019:

- Mức thù lao đối với các thành viên HĐQT không chuyên trách là: 03 triệu VNĐ/người/tháng;
- Mức thù lao đối với các thành viên BKS không chuyên trách là: 02 triệu VNĐ/người/tháng;
- Đối với thành viên HĐQT, BKS chuyên trách hưởng lương theo chế độ tiền lương của công ty, trên cơ sở quy định hiện hành.
- Chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2019 (tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các chi phí hợp lý khác khi thực thi các hoạt động của HĐQT, BKS; gồm cả các chi phí phát sinh tham dự các cuộc họp của HĐQT, BKS...): áp dụng theo định mức của công ty và tuân thủ quy định hiện hành.

2. Kế hoạch thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2020:

- Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát như nêu tại mục 1 ở trên.
- Đề xuất mức thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2020 bằng với mức chi trả thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2019 như nêu tại mục 1 ở trên.
- Mức thù lao đối với Chủ tịch HĐQT không chuyên trách là: 05 triệu đồng/tháng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua!



Nơi nhận:

- Như trên;
- TV.HĐQT & BKS (e-copy);
- Lưu VP.HĐQT.

Đính kèm:

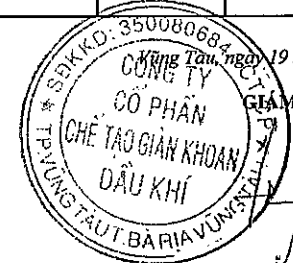
- Bảng tổng hợp chi tiết thù lao HĐQT & BKS năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

BẢNG THỐNG KÊ THU NHẬP, THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019

TT	Họ và tên	Chức danh	Quý I		Quý II		Quý III		Quý IV		Tổng Thu lao	Tổng thu nhập chi trả từ nguồn Công ty (Lương + Thù lao)	Tổng thu nhập chi trả từ nguồn dự án	Tổng Cộng các khoản thu nhập trong năm	Số thuế TNCN đã khấu trừ	Ghi chú	
			Lương	Thù lao	Lương	Thù lao	Lương	Thù lao	Lương	Thù lao							
I. Hội đồng quản trị																	
1	Nguyễn Quang Hiếu	Chủ tịch HĐQT, Kiểm Giám đốc	94.500.000	15.000.000	94.500.000	15.000.000	94.500.000	15.000.000	94.500.000	15.000.000	60.000.000	438.000.000	107.932.537	545.932.537	49.411.985	Lương GD + thù lao CT.HDQT kiêm nhiệm	
2	Nguyễn Văn Quang	Thành viên	-	9.000.000	-	9.000.000	-	9.000.000	-	9.000.000	36.000.000	36.000.000	0	36.000.000	3.600.000	Kiểm nhiệm	
3	Vũ Minh Phú	Thành viên	-	9.000.000	-	9.000.000	-	9.000.000	-	9.000.000	36.000.000	36.000.000	0	36.000.000	3.600.000	Kiểm nhiệm	
4	Đông Quang Triều	Thành viên	-	9.000.000	-	9.000.000	-	9.000.000	-	9.000.000	36.000.000	36.000.000	0	36.000.000	3.600.000	Kiểm nhiệm	
5	Nguyễn Văn Báo	Thành viên	-	9.000.000	-	9.000.000	-	9.000.000	-	9.000.000	36.000.000	36.000.000	0	36.000.000	3.600.000	Kiểm nhiệm	
6	Lê Hưng	Thành viên	-	9.000.000	-	9.000.000	-	9.000.000	-	9.000.000	36.000.000	36.000.000	0	36.000.000	3.600.000	Kiểm nhiệm	
7	Lê Hương Giang	Thành viên	-	9.000.000	-	9.000.000	-	9.000.000	-	9.000.000	36.000.000	36.000.000	0	36.000.000	3.600.000	Kiểm nhiệm	
II. Ban kiểm soát												-					
1	Lê Thị Mỹ Lâm	Trưởng ban	47.217.093	-	48.083.333	-	51.000.000	-	51.000.000	-	-	197.300.426	2.700.000	200.000.426	4.162.620	Chuyên trách	
2	Nguyễn Phương Anh	Thành viên	-	6.000.000	-	6.000.000	-	6.000.000	-	6.000.000	24.000.000	24.000.000	0	24.000.000	2.400.000	Kiểm nhiệm	
3	Bùi Thanh Hương	Thành viên	-	6.000.000	-	6.000.000	-	6.000.000	-	6.000.000	24.000.000	24.000.000	0	24.000.000	2.400.000	Kiểm nhiệm	
4	Lục Dũng Minh	Thành viên	-	6.000.000	-	6.000.000	-	6.000.000	-	6.000.000	24.000.000	24.000.000	0	24.000.000	2.400.000	Kiểm nhiệm	
5	Vũ Mạnh Trường	Thành viên	-	6.000.000	-	6.000.000	-	6.000.000	-	6.000.000	24.000.000	24.000.000	0	24.000.000	2.400.000	Kiểm nhiệm	
Tổng cộng			141.717.093	93.000.000	142.583.333	93.000.000	145.500.000	93.000.000	145.500.000	93.000.000	372.000.000	947.300.426	110.632.537	1.057.932.963	84.774.605		

P.HCNS:.....



Tài liệu đính kèm
Nghị quyết số
002/20/NQ-ĐHĐCĐ
ngày 03/06/2020

Tp. Vũng Tàu, ngày 19 tháng 05 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí - PV Shipyards;
- Xét nhu cầu hoạt động SXKD hiện nay của công ty PV Shipyards, và tiêu chuẩn của Giám đốc quy định tại Điều lệ công ty,

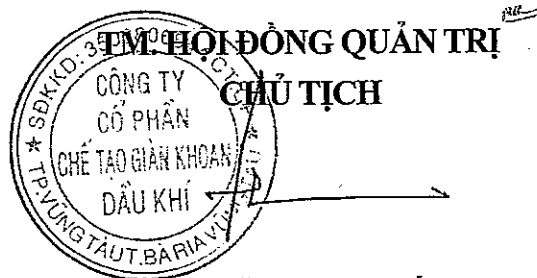
Thành phần Hội đồng quản trị hiện tại có 07 thành viên, cụ thể:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Quang Hiếu	CT.HĐQT kiêm Giám đốc	CT.HĐQT kiêm nhiệm
2	Ông Nguyễn Văn Bảo	Thành viên HĐQT	Kiểm nhiệm
3	Ông Vũ Minh Phú	Thành viên HĐQT	Kiểm nhiệm
4	Bà Lê Hương Giang	Thành viên HĐQT	Kiểm nhiệm
5	Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên HĐQT	Kiểm nhiệm
6	Ông Đông Quang Triều	Thành viên HĐQT	Kiểm nhiệm
7	Ông Lê Hưng	Thành viên HĐQT	Kiểm nhiệm

Theo Điều 12 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 về việc kể từ ngày 01/08/2020, Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc (Tổng giám đốc) của cùng một công ty đại chúng. Do đó Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét đồng ý chủ trương việc Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty tiếp tục cho đến hết ngày 31/07/2020 để đảm bảo ổn định công tác tổ chức và quản lý hoạt động SXKD của công ty.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV.HĐQT & BKS (e-copy);
- Lưu VP.HĐQT.



Nguyễn Quang Hiếu



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO
GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp. Vũng Tàu, ngày 19 tháng 05 năm 2020

Tài liệu đính kèm
Nghị quyết số
002/20/NQ-ĐHĐCĐ
ngày 03/06/2020

TỜ TRÌNH

**V/v: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019
và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty PV Shipyard

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 của công ty đã được công ty TNHH Deloitte kiểm toán phát hành, cơ bản các chỉ tiêu như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019 (ĐHĐCĐ thông qua ngày 17/4/2019)	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ thực hiện 2019 so với KH 2019	Tỷ lệ thực hiện 2019 so với 2018
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)=6/5	(9)=6/4
I.	Tổng doanh thu	Triệu đ	382.531	400.000	357.800	89,45%	93,53%
II.	Tổng chi phí	nt	448.029	448.541	408.687	91,11%	91,22%
III.	Lợi nhuận	nt	(65.498)	-	(50.887)	104,83%	77,69%
IV.	Các chỉ tiêu khác	nt					
1	Thuế và các khoản nộp NS	nt	-	-	-	-	-
2	Vốn chủ sở hữu	nt	(143.869)	(190.182)	(192.579)	101,26%	133,86%
3	Vốn điều lệ	nt	594.898	594.898	594.898	100,00%	100,00%

Theo đó chỉ tiêu lợi nhuận cuối năm 2019 là âm 50.88 tỷ đồng. Do đó HĐQT kính đề xuất Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc không trích dự phòng cho các Quỹ và không chia cổ tức của năm 2019.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020

Theo đánh giá của Hội đồng quản trị, tình hình kinh tế trong nước và Thế giới bị ảnh hưởng suy giảm nhiều do diễn biến căng thẳng của dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm sâu. Do đó việc thực hiện theo kế hoạch SXKD của công ty năm 2020 sẽ gặp nhiều khó khăn và cần sự cố gắng nỗ lực của Ban điều hành và sự hỗ trợ của các Cổ đông, các Ban



Ngành và Tổng Công ty. Hội đồng quản trị sẽ căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế cuối năm 2020 của công ty để đề xuất Đại hội đồng cổ đông xem xét việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức tại kỳ họp Đại hội cổ đông thường niên tiếp theo./.

Kính trình!

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHẾ TẠO GIÀN KHOAN
DẦU KHÍ
BÀ Rịa - Vũng Tàu
Nguyễn Quang Hiếu

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV.HĐQT, BKS, BGD cty (e-copy);
- Lưu VP.HĐQT, P.TCKT, VT.

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHẾ TẠO GIÀN KHOAN
DẦU KHÍ
BÀ Rịa - Vũng Tàu



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO
GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tài liệu đính kèm
Nghị quyết số

002/20/NQ-ĐHĐCĐ
ngày 03/06/2020

Vũng Tàu, ngày 03 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty PV Shipyard

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ hoạt động của công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí,

Theo Nghị quyết số 032/17/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/05/2017 của Đại hội đồng cổ đông công ty về việc tiếp tục bầu ông Lê Hưng làm Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 03, mục đích để hỗ trợ Ban giám đốc công ty nhiệm kỳ 03 trong công tác giải quyết công nợ dự án Tam Đảo 05 với Chủ đầu tư VSP và xử lý một số tồn đọng của Ban giám đốc công ty nhiệm kỳ 02. Ông Hưng không đại diện vốn góp của bất cứ đơn vị nào. Đến nay, công ty đã thực hiện xong việc quyết toán dự án Tam Đảo 05 với Chủ đầu tư VSP. Đồng thời ông Hưng có nguyện vọng xin từ nhiệm vị trí Thành viên HĐQT do hoàn cảnh gia đình, và đã làm xong thủ tục chuyển sinh hoạt Đảng về địa phương nơi cư trú.

Qua nội dung trình bày ở trên, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận việc miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT đối với ông Hưng theo nguyện vọng. Ông Hưng có trách nhiệm theo quy định của Pháp luật về các vấn đề của công ty thuộc công việc được giao trong thời gian phụ trách quản lý điều hành tại công ty./.

Trân trọng!



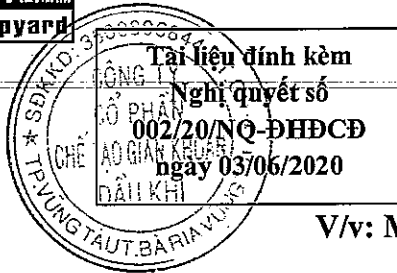
Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (e-copy);
- Ban GD (e-copy);
- Lưu VT, P.HCNS.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO
GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Vũng Tàu, ngày 03 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty PV Shipyard

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ hoạt động của công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí;
- Căn cứ Nghị quyết số 032/17/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/05/2017 của Đại hội đồng cổ đông công ty trong đó có nội dung bầu thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 03 (2017-2022),

Ngày 03/06/2020, Ban kiểm soát công ty nhận được Văn bản số 555/DVKT-TCNS của Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) đề nghị Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét việc miễn nhiệm ông Vũ Mạnh Trường - Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm là người do PTSC đề cử trong nhiệm kỳ 3. Do ông Vũ Mạnh Trường được cử nhận nhiệm vụ khác và không thể tiếp tục kiêm nhiệm thành viên Ban kiểm soát tại công ty.

Qua nội dung trình bày ở trên, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát đối với ông Vũ Mạnh Trường./.

Trân trọng!

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

Lê Thị Mỹ Lâm

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (e-copy);
- Ban GD (e-copy);
- Lưu VT, P.HCNS.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO
GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vũng Tàu, ngày 03 tháng 06 năm 2020

Tài liệu đính kèm
Nghị quyết số
002/20/NQ-ĐHĐCĐ
ngày 03/06/2020

TỜ TRÌNH

V/v: Bầu bổ sung Thành viên HĐQT

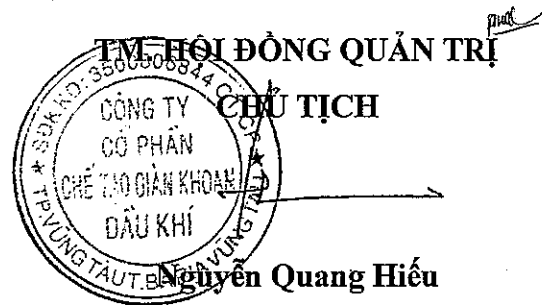
Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty PV Shipyard

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ hoạt động của công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí,

Ngày 19/05/2020, Hội đồng quản trị công ty đã tổ chức họp công tác chuẩn bị cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của công ty. Theo đó HĐQT đề xuất việc miễn nhiệm ông Lê Hưng – thành viên HĐQT kiêm nhiệm và bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT. Và để Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) nghiên cứu đề cử nhân sự để Đại hội đồng cổ đông công ty bầu làm thành viên HĐQT.

Qua nội dung trình bày ở trên, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét chấp thuận về việc bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT, và để cho PTSC giới thiệu đề cử nhân sự../.

Trân trọng!



Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (e-copy);
- Ban GD (e-copy);
- Lưu VT, P.HCNS.

PETROVIETNAM
Shipyards



Tài liệu đính kèm
Nghị quyết số
002/20/NQ-ĐHĐCĐ
ngày 03/06/2020

Vũng Tàu, ngày 03 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Bầu bổ sung Thành viên BKS

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty PV Shipyards

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ hoạt động của công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí,

Ngày 03/06/2020, Ban kiểm soát công ty nhận được Văn bản số 555/DVKT-TCNS của Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) đề nghị Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét việc miễn nhiệm ông Vũ Mạnh Trường - Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm là người do PTSC đề cử trong nhiệm kỳ 3. Do ông Vũ Mạnh Trường được cử nhận nhiệm vụ khác và không thể tiếp tục kiêm nhiệm thành viên Ban kiểm soát tại công ty, và PTSC sẽ giới thiệu người khác thay thế.

Qua nội dung trình bày ở trên, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét chấp thuận về việc bầu bổ sung 01 thành viên BKS, và đề cho PTSC giới thiệu đề cử nhân sự../.

Trân trọng!

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Lê Thị Mỹ Lâm

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (e-copy);
- Ban GD (e-copy);
- Lưu VT, P.HCNS.